

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI) VỚI
LUẬT LUẬT SƯ NĂM 2006 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2012)**

Luật Luật sư hiện hành có 93 điều, dự thảo Luật (sửa đổi) có 36 điều.

Dự thảo Luật đề xuất giữ nguyên 01 điều của Luật Luật sư hiện hành (nguyên tắc hành nghề luật sư); sửa đổi, bổ sung 90 điều (sửa đổi, bổ sung và gộp còn 35 điều); lược bỏ 02 điều (Điều 59, 67).

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định về nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, hình thức hành nghề, tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, quản lý luật sư và hành nghề luật sư, hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, phạm vi, hình thức hành nghề, quyền, nghĩa vụ của luật sư, luật sư tập sự, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, quản lý luật sư và hành nghề luật sư, hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>Sửa đổi chế định “người tập sự hành nghề luật sư” thành “luật sư tập sự” tại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.</p> <p>Lý do: Thể chế nội dung trong chính sách 1, quy định người muốn tập sự hành nghề luật sư sẽ đăng ký gia nhập một Đoàn Luật sư với tư cách luật sư tập sự.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 2. Luật sư</p> <p>Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng).</p>	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p><i>1. Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật này, đã gia nhập Đoàn Luật sư và được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</i></p> <p><i>2. Luật sư tập sự là người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư hoặc quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài, đã gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư.</i></p> <p><i>3. Luật sư nước ngoài là người có đủ tiêu chuẩn hành nghề theo quy định của Luật này và được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam.</i></p> <p><i>4. Dịch vụ pháp lý bao gồm tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác được quy định tại Luật này.</i></p> <p><i>5. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư bao gồm Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư tại tỉnh, thành phố, được thành lập để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong tổ chức mình, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, quản lý thành viên theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>6. Cơ sở dữ liệu luật sư là tập hợp dữ</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm mới.</p> <p>Lý do: Dự thảo Luật có thuật ngữ mới như “bản lĩnh chính trị”, “luật sư tập sự”, hỗ trợ pháp lý”, “cơ sở dữ liệu luật sư”, “kinh doanh dịch vụ pháp lý”.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>liệu điện tử về luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật thông qua phương tiện điện tử và có giá trị pháp lý trong các giao dịch, hoạt động tố tụng.</i></p> <p><i>7. Ý kiến pháp lý là văn bản của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư để đưa ra đánh giá, kết luận pháp lý mang tính độc lập về tính hợp pháp, hợp lệ và tính khả thi của dự án, giao dịch hoặc vụ việc.</i></p> <p><i>8. Thẩm định pháp lý là quá trình luật sư thu thập, rà soát, đánh giá các tài liệu, hồ sơ và thực trạng tuân thủ pháp luật của dự án, giao dịch hoặc vụ việc để nhận diện rủi ro pháp lý phục vụ cho việc đưa ra ý kiến pháp lý.</i></p>	
<p>Điều 3. Chức năng xã hội của luật sư</p> <p>Hoạt động nghề nghiệp của luật sư góp phần bảo vệ công lý, các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.</p>	<p>Điều 3. Chức năng xã hội của luật sư</p> <p>Hoạt động nghề nghiệp của luật sư góp phần bảo vệ công lý, <i>công bằng xã hội, bảo vệ Tổ quốc, lợi ích quốc gia và dân tộc, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</i>, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình, luật sư đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>và xã hội</i> dân chủ, công bằng, văn minh.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung chức năng bảo vệ công bằng xã hội, bảo vệ Tổ quốc, lợi ích quốc gia và dân tộc, quyền con người, quyền công dân...</p> <p>Lý do: Thể chế quan điểm chỉ đạo của chính sách Luật Luật sư (sửa đổi).</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 5. Nguyên tắc hành nghề luật sư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. 2. Tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. 3. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan. 4. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp luật sư. 	<p>Điều 4. Nguyên tắc hành nghề luật sư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. 2. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan. 3. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng). 4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp luật sư. 	<p>Hợp nhất nguyên tắc hành nghề của luật sư Việt Nam và luật sư nước ngoài</p> <p>Lý do: Nguyên tắc hành nghề của luật sư Việt Nam và luật sư nước ngoài có sự tương đồng; đồng thời, giảm điều luật tại dự thảo Luật.</p>
<p>Điều 6. Nguyên tắc quản lý luật sư và hành nghề luật sư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý luật sư và hành nghề luật sư được thực hiện theo nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư. 2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện quản lý luật sư và hành nghề luật sư của tổ chức mình theo quy định của Luật này, Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. <p>Nhà nước thống nhất quản lý về luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.</p> <p>Điều 83. Trách nhiệm quản lý nhà nước về luật sư và</p>	<p>Điều 5. Quản lý luật sư và hành nghề luật sư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư trên phạm vi toàn quốc, quy định và chia sẻ cơ sở dữ liệu luật sư với cơ sở dữ liệu khác.</i> 2. <i>Cơ quan tiến hành tố tụng, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm bảo đảm quyền hành nghề của luật sư, hỗ trợ phát triển nghề luật sư và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý với cơ sở dữ liệu luật sư.</i> 3. <i>Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của</i> 	<p>- Thể chế nội dung trong chính sách 3, đổi mới quản lý nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nâng cao vai trò giám sát, phối hợp quản lý của Mặt trận Tổ quốc, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý luật sư, bảo đảm kết nối thông tin thông suốt giữa các bộ ngành và địa phương.</p> <p>- Thể chế Kết luận số 69-KL/TW: Tổ chức của luật sư</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hành nghề luật sư</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Xây dựng, trình Chính phủ quyết định chiến lược phát triển nghề luật sư, ban hành chính sách hỗ trợ cho Đoàn luật sư các tỉnh đặc biệt khó khăn và các chính sách khác hỗ trợ phát triển nghề luật sư;</p> <p>b) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về luật sư;</p> <p>c) Cấp phép thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư; quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư; quy định chế độ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư; phối hợp với Bộ Tài chính quy định học phí đào tạo nghề luật sư; quản lý, tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo nghề luật sư;</p> <p>d) Cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>đ) Cấp, thu hồi, gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài;</p> <p>e) Cấp, thu hồi Giấy phép thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>g) Tổng kết, báo cáo Chính phủ về tổ chức luật sư và hành</p>	<p><i>luật sư thực hiện trách nhiệm tự quản trong khuôn khổ của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý tổ chức và hoạt động luật sư.</i></p> <p><i>4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư với tư cách là tổ chức thành viên; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước để luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư hoạt động đúng pháp luật.</i></p> <p><i>5. Tổ chức hành nghề luật sư thực hiện quản lý luật sư và hành nghề luật sư trong tổ chức mình theo quy định của Luật này, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.</i></p> <p><i>6. Nhà nước có chính sách phát triển đội ngũ luật sư Việt Nam phục vụ hội nhập quốc tế và hỗ trợ Chính phủ trong giải quyết tranh chấp quốc tế; khuyến khích ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động luật sư; hỗ trợ luật sư Việt Nam tham gia các chương trình đào tạo và dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư ở nước ngoài.</i></p> <p><i>7. Nhà nước bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, tăng cường kỷ luật,</i></p>	<p>thực hiện tự quản theo quy định của pháp luật, dưới sự quản lý của nhà nước.</p> <p>- Thẻ chế Kết luận số 09-KL/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW về tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>nghề luật sư;</p> <p>h) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư; tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>i) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư;</p> <p>k) Quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về luật sư;</p> <p>l) Đình chỉ việc kiểm tra, hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư khi phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>m) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của Luật này;</p> <p>n) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Cho phép thành lập Đoàn luật sư; quyết định việc giải thể Đoàn luật sư sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>b) Phê duyệt đề án tổ chức đại hội của Đoàn luật sư;</p>	<p><i>kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư.</i></p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>c) Tổ chức cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại địa phương;</p> <p>đ) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những nghị quyết, quyết định, quy định của Đoàn luật sư trái với quy định của Luật này;</p> <p>e) Định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình tổ chức luật sư và hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại địa phương;</p> <p>g) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương;</p> <p>h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương.</p> <p>Điều 7. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư</p> <p>Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, thực</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hiện quản lý hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.</p> <p>Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư là Đoàn luật sư ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>Điều 84. Trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư</p> <p>Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thực hiện tự quản luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật này và Điều lệ của mình.</p> <p>Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư.</p>		
<p>Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>1. Nghiêm cấm luật sư thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng có quyền lợi đối lập nhau trong cùng vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính, việc dân sự, các việc khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là vụ, việc);</p> <p>b) Cố ý cung cấp hoặc hướng dẫn khách hàng cung cấp tài liệu, vật chứng giả, sai sự thật; xúi giục người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự khai sai sự thật hoặc xúi giục khách hàng khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện trái pháp luật;</p> <p>c) Tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý</p>	<p>Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>1. Nghiêm cấm luật sư thực hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng; đòi hỏi thêm bất kỳ khoản tiền hay lợi ích nào khác ngoài thù lao và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc khi thực hiện dịch vụ pháp lý miễn phí;</p> <p>b) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng có quyền lợi đối lập nhau trong cùng vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính, việc dân sự, các việc khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là vụ</p>	<p>- Thẻ chế nội dung trong chính sách 1, nâng cao chất lượng luật sư và kỷ luật, kỷ cương trong hành nghề.</p> <p>- Thẻ chế nội dung trong chính sách 2, tăng cường tính chuyên nghiệp, tránh xung đột lợi ích và bảo mật tuyệt đối thông tin khách hàng trong kỷ nguyên số, đồng thời bảo vệ quyền hành nghề của luật sư.</p> <p>- Thẻ chế Kết luận số 69-KL/TW, Nghị quyết số 27-</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;</p> <p>d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng;</p> <p>đ) Nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý;</p> <p>e) Móc nối, quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức, viên chức khác để làm trái quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ, việc;</p> <p>g) Lợi dụng việc hành nghề luật sư, danh nghĩa luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;</p> <p>h) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích khác khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho các khách hàng thuộc đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; từ chối vụ, việc đã đảm nhận theo yêu cầu của tổ chức trợ giúp pháp lý, của các cơ quan tiến hành tố tụng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Có lời lẽ, hành vi xúc phạm cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình tham gia tố tụng;</p> <p>k) Tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những hành vi trái pháp luật nhằm trì hoãn, kéo dài thời gian hoặc gây khó khăn, cản trở hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác.</p> <p>2. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở</p>	<p>việc);</p> <p><i>c) Sử dụng thông tin về vụ việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề vào mục đích xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, bao gồm sử dụng thông tin từ khách hàng để gây bất lợi cho người đó trong vụ việc khác, tiết lộ bí mật thông tin của khách hàng;</i></p> <p>d) Cố ý cung cấp tài liệu, vật chứng giả; hướng dẫn khách hàng, người tham gia tố tụng khai sai sự thật; <i>xúi giục khách hàng khiêu nạt, tố cáo, khiêu kiện trái pháp luật hoặc gây phức tạp tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội;</i></p> <p>đ) Móc nối, quan hệ, cấu kết với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức, viên chức để làm trái quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc;</p> <p>e) Tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện các hành vi trái pháp luật nhằm trì hoãn, gây khó khăn, cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước và cơ quan tiến hành tố tụng;</p> <p>g) Có lời lẽ, hành vi trái pháp luật xúc phạm cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình hành nghề;</p> <p>h) Lợi dụng việc hành nghề luật sư, danh nghĩa luật sư để có hành vi trái pháp luật</p>	<p>NQ/TW về việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của luật sư; hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư, bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật...</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hoạt động hành nghề của luật sư.</p> <p>Điều 91. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>Người có chức vụ, quyền hạn mà có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư hoặc cản trở luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện quyền, nghĩa vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức;</p> <p><i>i) Từ chối hoặc tự ý không thực hiện vụ việc đã đảm nhận theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc tổ chức trợ giúp pháp lý mà không có lý do chính đáng hoặc cản cứ pháp luật;</i></p> <p>2. Nghiêm cấm cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cản trở hoạt động hành nghề của luật sư, bao gồm:</p> <p><i>a) Từ chối, trì hoãn, ngăn cản, gây khó khăn trái pháp luật trong việc thực hiện các quyền của luật sư trong quá trình tham gia tố tụng hoặc đại diện bảo vệ quyền lợi khách hàng;</i></p> <p><i>b) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tố tụng, tư vấn pháp luật của luật sư hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý khác;</i></p> <p><i>c) Gây áp lực, đe dọa hoặc dùng biện pháp trái pháp luật để can thiệp vào tính độc lập, khách quan trong hoạt động hành nghề luật sư;</i></p> <p><i>d) Có hành vi xúc phạm nhân phẩm, uy tín hoặc đe dọa hành hung, gây thương tích cho luật sư và người thân của luật sư trong quá trình hành nghề.</i></p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cản trở hoạt động hành nghề luật sư phải chấm dứt ngay hành vi vi phạm và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>3. Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện hành nghề luật sư nhưng quảng bá, giới thiệu, sử dụng tên gọi gây nhầm lẫn, mạo danh luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; cung cấp dịch vụ pháp lý có thu thù lao dưới bất kỳ hình thức nào. Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi thuộc trường hợp này bị buộc chấm dứt hành vi vi phạm, bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</i></p>	
<p>Điều 10. Tiêu chuẩn luật sư</p> <p>Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư.</p> <p>Điều 11. Điều kiện hành nghề luật sư</p>	<p>Điều 7. Tiêu chuẩn luật sư</p> <p>1. Là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, <i>có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm chính và trung thực.</i></p>	<p>- Gộp điều về tiêu chuẩn luật sư và điều kiện hành nghề thành một điều về tiêu chuẩn luật sư.</p> <p>- Bổ sung tiêu chuẩn có bản lĩnh chính trị vào tiêu chuẩn luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này muốn được hành nghề luật sư phải có Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư.</p>	<p>2. Có bằng từ cử nhân luật trở lên.</p> <p>3. Hoàn thành khoá đào tạo nghề luật sư.</p> <p>4. Hoàn thành việc tập sự hành nghề luật sư và đạt yêu cầu kỳ thi quốc gia về luật sư, trừ trường hợp được miễn tập sự hành nghề luật sư.</p>	<p>Lý do:</p> <p>- Thẻ chế nội dung trong chính sách 1, xây dựng đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề của luật sư.</p> <p>- Thẻ chế Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 84-KL/TW về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 69-KL/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp của luật sư.</p>
<p>Điều 12. Đào tạo nghề luật sư</p> <p>1. Người có Bằng cử nhân luật được tham dự khoá đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư.</p> <p>2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là mười hai tháng.</p> <p>Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ</p>	<p>Điều 8. Đào tạo nghề luật sư</p> <p>1. Người có bằng từ cử nhân luật trở lên được tham dự khoá đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư.</p> <p>2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng, trừ trường hợp được giảm thời gian</p>	<p>- Thẻ chế nội dung trong chính sách 1, xây dựng đội ngũ luật sư có năng lực chuyên môn, theo đó, tất cả các đối tượng phải qua đào tạo nghề (có thể được giảm và không được miễn</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>sở đào tạo nghề luật sư cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.</p> <p>3. Chính phủ quy định về cơ sở đào tạo nghề luật sư.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư, việc công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.</p> <p>Điều 13. Người được miễn đào tạo nghề luật sư</p> <p>1. Đã là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên.</p> <p>2. Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sỹ luật.</p> <p>3. Đã là thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.</p> <p>4. Đã là thẩm tra viên chính ngành Tòa án, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát; chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật.</p>	<p>đào tạo.</p> <p>Người hoàn thành khóa đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.</p> <p>3. Chính phủ quy định trường hợp được giảm thời gian đào tạo nghề luật sư đối với người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.</p>	<p>hoàn toàn thời gian đào tạo).</p>
<p>Điều 14. Tập sự hành nghề luật sư</p> <p>1. Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư và người quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này được tập sự hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>Thời gian tập sự hành nghề luật sư là mười hai tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật này. Thời gian tập sự hành nghề luật sư được tính từ ngày đăng ký tập sự tại Đoàn luật sư.</p> <p>Tổ chức hành nghề luật sư phân công luật sư hướng dẫn</p>	<p>Điều 9. Tập sự hành nghề luật sư</p> <p>1. Người đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này thì được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư. Thời gian tập sự hành nghề luật sư là 12 tháng, trừ trường hợp được miễn, giảm thời gian tập sự theo quy định tại khoản 3 của Điều này hoặc trường hợp chưa hoàn thành việc tập sự thì phải tiếp tục tập sự. Thời gian tập sự hành nghề luật sư được tính từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung quyền của luật sư tập sự được tham gia tố tụng trong các vụ, việc dân sự, vụ án hành chính thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực; người muốn tập sự hành nghề luật sư sẽ đăng ký gia nhập một Đoàn Luật sư với tư cách luật sư tập sự, do Đoàn Luật sư quản lý thay vì quy định</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>người tập sự hành nghề luật sư. Luật sư hướng dẫn tập sự phải là người có ít nhất ba năm kinh nghiệm hành nghề luật sư và không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này. Tại cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá ba người tập sự.</p> <p>2. Người tập sự hành nghề luật sư đăng ký tập sự tại Đoàn luật sư ở địa phương nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư mà mình tập sự và được Đoàn luật sư cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>Đoàn luật sư có trách nhiệm giám sát việc tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>3. Người tập sự hành nghề luật sư được giúp luật sư hướng dẫn trong hoạt động nghề nghiệp nhưng không được đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng tại phiên tòa, không được ký văn bản tư vấn pháp luật.</p> <p>Người tập sự hành nghề luật sư được đi cùng với luật sư hướng dẫn gặp gỡ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự, nguyên đơn, bị đơn và các đương sự khác trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính khi được người đó đồng ý; giúp luật sư hướng dẫn nghiên cứu hồ sơ vụ, việc, thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến vụ, việc và các hoạt động nghề nghiệp khác; được tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng và thực hiện các dịch vụ pháp lý khác theo sự phân công của luật sư hướng dẫn khi được khách hàng đồng ý.</p> <p>Luật sư hướng dẫn phải giám sát và chịu trách nhiệm về các</p>	<p>Luật sư để trở thành luật sư tập sự.</p> <p>2. Luật sư tập sự chỉ được thực hiện các hoạt động nghề nghiệp theo sự phân công của luật sư hướng dẫn trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>a) Luật sư tập sự được tham gia tổ tụng trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực</i> theo sự phân công của luật sư hướng dẫn và được khách hàng đồng ý. Đối với vụ án hình sự hoặc vụ việc dân sự, vụ án hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, luật sư tập sự chỉ được cùng luật sư hướng dẫn sao chụp tài liệu, nghiên cứu hồ sơ, gặp gỡ bị can, bị cáo, đương sự khác khi được khách hàng đồng ý.</p> <p>b) Luật sư tập sự được thực hiện tư vấn pháp luật, soạn thảo tài liệu pháp lý, đại diện theo ủy quyền và tư vấn các vấn đề pháp lý khác cho khách hàng theo sự phân công của luật sư hướng dẫn nhưng không được ký văn bản tư vấn pháp luật và phải chịu trách nhiệm về chất lượng công việc mà mình thực hiện trước luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nơi tập sự.</p> <p><i>3. Chính phủ quy định trường hợp được miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư.</i></p>	<p>việc gia nhập Đoàn luật sư sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư như hiện nay..</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Do luật sư tập sự được tham gia vào một số hoạt động nghề nghiệp như luật sư nên phải quy định chi tiết các tiêu chuẩn đầu vào chặt chẽ hơn.</p> <p>+ Thề chế nội dung trong chính sách 1, sửa đổi các quyền và nghĩa vụ của luật sư tập sự để họ có nhiều cơ hội thực hành nghề hơn trong thực tế. Đồng thời, đảm bảo việc tập sự thực chất, có sự giám sát của cả Đoàn luật sư và Tổ chức hành nghề, giải quyết bất cập trong thực tế thời gian qua; sửa đổi, bổ sung quy trình trở thành luật sư từ khâu gia nhập Đoàn Luật sư, tập sự hành nghề, việc tổ chức kỳ thi luật sư để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>+ Thề chế Kết luận số 69-KL/TW, “Phát huy trách</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hoạt động của người tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản này.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể việc tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>Điều 16. Người được miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư</p> <p>1. Người đã là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên cao cấp, điều tra viên trung cấp, giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật, thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật được miễn tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>2. Người đã là điều tra viên sơ cấp, thẩm tra viên chính ngành Tòa án, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật được giảm hai phần ba thời gian tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>3. Người có thời gian công tác ở các ngạch chuyên viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật, thẩm tra viên ngành Tòa án, kiểm tra viên ngành Kiểm sát từ mười năm trở lên thì được giảm một nửa thời gian tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>Điều 20. Gia nhập Đoàn luật sư</p> <p>1. Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư có quyền lựa chọn gia nhập một Đoàn luật sư để hành nghề luật sư.</p> <p>Người đã gia nhập Đoàn luật sư phải làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư, hành nghề với tư cách cá</p>		<p>nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, nhất là trong việc giám sát luật sư, người tập sự hành nghề luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức hoặc thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật này tại địa phương nơi Đoàn luật sư có trụ sở.</p> <p>2. Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư đến Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư. Hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư gồm có:</p> <p>a) Giấy đề nghị gia nhập Đoàn luật sư theo mẫu do Liên đoàn luật sư Việt Nam ban hành;</p> <p>b) Phiếu lý lịch tư pháp đối với trường hợp nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư quá sáu tháng, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xem xét, ra quyết định về việc gia nhập Đoàn luật sư; nếu người nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này thì Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư từ chối việc gia nhập và thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 87 của Luật này.</p> <p>4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn luật sư. Thời hạn cấp Thẻ luật sư không quá hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn luật sư.</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Thẻ luật sư có giá trị không thời hạn, được đổi khi luật sư chuyển Đoàn luật sư hoặc khi bị mất, hỏng.</p> <p>5. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày được cấp Thẻ luật sư, luật sư không làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư, hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức hoặc không thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương nơi Đoàn luật sư có trụ sở hoặc luật sư không hành nghề luật sư trong thời hạn năm năm liên tục sau khi được cấp Thẻ luật sư thì Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xóa tên luật sư đó khỏi danh sách luật sư và đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam thu hồi Thẻ luật sư.</p> <p>6. Luật sư chuyển Đoàn luật sư phải gửi đến Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư mà mình đang là thành viên giấy đề nghị rút tên ra khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư.</p> <p>Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư ra quyết định xoá tên đối với luật sư rút khỏi danh sách luật sư của Đoàn, đồng thời gửi giấy giới thiệu của Đoàn kèm theo hồ sơ của luật sư đó đến Đoàn luật sư nơi luật sư dự định gia nhập.</p> <p>Thủ tục gia nhập Đoàn luật sư và đổi Thẻ luật sư được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Trong thời gian chờ đổi Thẻ luật sư, luật sư tiếp tục dùng Thẻ luật sư đang sử dụng để hành nghề và phải nộp lại ngay khi được đổi Thẻ luật sư.</p>		
<p>Điều 15. Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư</p> <p>1. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với tổ chức luật sư toàn quốc</p>	<p>Điều 10. Kỳ thi quốc gia về luật sư</p> <p>1. Luật sư tập sự hoàn thành thời</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung về “kỳ thi luật sư”.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>2. Việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư do Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư tiến hành; thành phần Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo tổ chức luật sư toàn quốc và một số luật sư là thành viên. Danh sách thành viên Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.</p> <p>Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hoạt động theo Quy chế tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>3. Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư được Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.</p>	<p><i>gian tập sự hành nghề luật sư thì được tham dự kỳ thi quốc gia về luật sư để được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Chính phủ không phải tham dự kỳ thi quốc gia về luật sư.</i></p> <p>2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được tham dự kỳ thi quốc gia về luật sư:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này và đã hoàn thành việc tập sự hành nghề luật sư;</p> <p>b) Đang là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan), trừ viên chức giữ ngạch giảng viên tại cơ sở đào tạo về pháp luật;</p> <p>c) Không thường trú tại Việt Nam;</p> <p>d) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã từng bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt</p>	<p>Lý do:</p> <p>+ Thẻ chế nội dung tại chính sách 1, sửa đổi quy trình trở thành luật sư, người đạt kỳ thi luật sư được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thay vì quy trình như Luật hiện hành là sau khi đỗ kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đạt kỳ kiểm tra, sau đó người tập sự lại phải làm thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư qua Đoàn Luật sư, gửi Sở Tư pháp...</p> <p>+ Thẻ chế Kết luận số 69-KL/TW, nghiên cứu tổ chức kỳ thi quốc gia để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>ng nghiêm trọng do cố ý;</i></p> <p><i>đ) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường;</i></p> <p><i>e) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</i></p> <p><i>g) Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan bị buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực.</i></p> <p><i>3. Chính phủ quy định việc thành lập Hội đồng thi quốc gia về luật sư để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</i></p>	
<p>Điều 17. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư</p> <p>1. Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư có hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư.</p> <p>Hồ sơ gồm có:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>b) Phiếu lý lịch tư pháp;</p> <p>c) Giấy chứng nhận sức khỏe;</p>	<p>Điều 11. Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư</p> <p><i>1. Người đạt yêu cầu kỳ thi quốc gia về luật sư thì được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</i></p> <p><i>Người được miễn tập sự hành nghề luật sư và đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này thì được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập Đoàn Luật sư để hành nghề luật sư.</i></p> <p><i>2. Người thuộc một trong các trường</i></p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung quy định, người đạt kỳ thi luật sư được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thay vì được Liên đoàn cấp Giấy chứng nhận đạt kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, sau đó quay lại địa phương làm thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>- Bổ sung các căn cứ thu hồi Chứng chỉ.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>d) Bản sao Bảng cử nhân luật hoặc bản sao Bảng thạc sỹ luật;</p> <p>đ) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư có hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Sở Tư pháp nơi người đó thường trú.</p> <p>Hồ sơ gồm có:</p> <p>a) Các giấy tờ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Giấy tờ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật;</p> <p>c) Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này.</p> <p>3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật</p>	<p><i>hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này thì không được cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.</i></p> <p>3. Người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư mà thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 7 của Luật này;</p> <p>b) Được tuyển dụng, bổ nhiệm làm cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, <i>trừ viên chức giữ ngạch giảng viên tại cơ sở đào tạo về pháp luật;</i></p> <p>c) Không còn thường trú tại Việt Nam;</p> <p>d) Không hành nghề luật sư theo một trong các hình thức hành nghề quy định tại Luật này <i>trong thời gian 12 tháng liên tục;</i></p> <p>đ) Thôi hành nghề luật sư theo nguyện vọng;</p> <p>e) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư;</p> <p>g) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc <i>hoặc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường;</i></p> <p>h) Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực</p>	<p>- Bổ sung quy định viên chức giữ ngạch giảng viên tại các cơ sở đào tạo về pháp luật được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Việc sửa đổi quy trình cấp Chứng chỉ nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm quy trình trở thành luật sư.</p> <p>+ Việc bổ sung các căn cứ thu hồi Chứng chỉ là cần thiết để loại bỏ những cá nhân không còn đủ phẩm chất, năng lực ra khỏi đội ngũ luật sư.</p> <p>+ Thể chế nội dung trong chính sách 1, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng đội ngũ luật sư.</p> <p>+ Thể chế Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng cơ chế có điều kiện cho phép viên chức được hành nghề luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>sur; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư và Sở Tư pháp nơi gửi hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Người bị từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật này;</p> <p>b) Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;</p> <p>c) Không thường trú tại Việt Nam;</p> <p>d) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xoá án tích;</p> <p>đ) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;</p> <p>e) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>g) Những người quy định tại điểm b khoản này bị buộc thôi</p>	<p>pháp luật;</p> <p>i) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>k) <i>Kiểm nhiệm công chứng viên, thừa hành viên.</i></p> <p>4. <i>Chứng chỉ hành nghề luật sư đương nhiên bị đình chỉ hiệu lực khi luật sư bị khởi tố hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư.</i></p> <p>5. <i>Bộ quản lý chuyên ngành có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.</i></p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực.</p> <p>Điều 18. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư</p> <p>1. Người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư mà thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật này;</p> <p>b) Được tuyển dụng, bổ nhiệm làm cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;</p> <p>c) Không còn thường trú tại Việt Nam;</p> <p>d) Không gia nhập một Đoàn luật sư nào trong thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>đ) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng lao động cho một tổ chức hành nghề luật sư hoặc đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân trong thời hạn ba năm, kể từ ngày gia nhập Đoàn luật sư;</p> <p>e) Thôi hành nghề luật sư theo nguyện vọng;</p> <p>g) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;</p> <p>h) Bị xử phạt hành chính bằng hình thức tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn; bị áp dụng biện pháp xử</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;</p> <p>i) Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>k) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thẩm quyền thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư và quy định thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư thì thông báo cho Liên đoàn luật sư Việt Nam để thu hồi Thẻ luật sư.</p> <p>Điều 19. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư</p> <p>1. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật này được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn luật sư quy định tại Luật này và lý do bị thu hồi Chứng chỉ không còn.</p> <p>2. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 18 của Luật này được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi có đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>3. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật này thì được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi có đủ tiêu chuẩn tại Điều 10 của Luật này và thuộc một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày có quyết định thu hồi</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Chứng chỉ hành nghề luật sư do bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;</p> <p>b) Thời hạn tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư đã hết hoặc đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;</p> <p>c) Đã được xóa án tích trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>4. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý thì không được cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>5. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật này.</p>		
<p>Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của luật sư</p> <p>1. Luật sư có các quyền sau đây:</p> <p>a) Được pháp luật bảo đảm quyền hành nghề luật sư theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Đại diện cho khách hàng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Hành nghề luật sư, lựa chọn hình thức hành nghề luật sư và hình thức tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật này;</p> <p>d) Hành nghề luật sư trên toàn lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>đ) Hành nghề luật sư ở nước ngoài;</p>	<p>Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của luật sư</p> <p>1. Luật sư có các quyền sau đây:</p> <p>a) Được pháp luật bảo đảm quyền hành nghề luật sư theo quy định <i>của Hiến pháp</i>, Luật này, <i>pháp luật về tổ tụng</i> và pháp luật khác có liên quan;</p> <p>b) Hành nghề luật sư, lựa chọn hình thức hành nghề luật sư và hình thức tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật này;</p> <p><i>c) Đại diện cho khách hàng, tham</i></p>	<p>- Bổ sung nghĩa vụ của luật sư trong việc nhận, thực hiện, chuyển giao vụ việc đã nhận với khách hàng; nghĩa vụ bồi dưỡng về tư tưởng chính trị; cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí và trách nhiệm xã hội khác.</p> <p>Lý do: Thể chế nội dung trong chính sách 1, xây dựng đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng; tăng cường kỷ luật,</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>e) Các quyền khác theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Luật sư có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư quy định tại Điều 5 của Luật này;</p> <p>b) Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng; có thái độ hợp tác, tôn trọng người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề;</p> <p>c) Tham gia tố tụng đầy đủ, kịp thời trong các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu;</p> <p>d) Thực hiện trợ giúp pháp lý;</p> <p>đ) Tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ;</p> <p>e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.</p> <p>Điều 24. Nhận và thực hiện vụ, việc của khách hàng</p> <p>1. Luật sư tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng; chỉ nhận vụ, việc theo khả năng của mình và thực hiện vụ, việc trong phạm vi yêu cầu của khách hàng.</p> <p>2. Khi nhận vụ, việc, luật sư thông báo cho khách hàng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý cho khách hàng.</p> <p>3. Luật sư không chuyển giao vụ, việc mà mình đã nhận cho luật sư khác làm thay, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc trường hợp bất khả kháng.</p>	<p><i>gia giải quyết tranh chấp với tư cách hoà giải viên, trọng tài viên hoặc tham gia xử lý phục hồi, phá sản doanh nghiệp với tư cách quản tài viên theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>d) Chuyển giao vụ việc cho luật sư khác khi được khách hàng đồng ý hoặc trong trường hợp bất khả kháng; được phối hợp cung cấp dịch vụ pháp lý với luật sư khác khi khách hàng yêu cầu;</i></p> <p>đ) Hành nghề luật sư trên toàn lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>e) Hành nghề luật sư ở nước ngoài;</p> <p><i>g) Tham gia xây dựng, góp ý, kiến nghị chính sách, pháp luật; công việc khác theo đề nghị của cơ quan nhà nước;</i></p> <p>h) Các quyền khác theo quy định của Luật này, pháp luật về tố tụng và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Luật sư có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p><i>a) Gia nhập Đoàn Luật sư;</i></p> <p>b) Tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư quy định tại Điều 4 của Luật này, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; duy trì tiêu chuẩn luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;</p> <p>c) Chấp hành nội quy và quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến</p>	<p>kỷ cương trong hành nghề.</p> <p>+ Thê chế Nghị quyết số 66/NQ-TW, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý.</p> <p>+ Thê chế Nghị quyết số 27-NQ/TW, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 25. Bí mật thông tin</p> <p>1. Luật sư không được tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.</p> <p>2. Luật sư không được sử dụng thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm bảo đảm các nhân viên trong tổ chức hành nghề không tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng của mình.</p> <p>Điều 31. Hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư</p> <p>1. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, luật sư phải tận tâm với người được trợ giúp như đối với khách hàng trong những vụ, việc có thù lao.</p> <p>2. Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p>	<p>hành tố tụng; có thái độ hợp tác, tôn trọng người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề; tham gia tố tụng đầy đủ, kịp thời trong các vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu;</p> <p><i>d) Tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng; phải thông báo đầy đủ cho khách hàng về quyền và nghĩa vụ của luật sư, trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ;</i></p> <p><i>đ) Thực hiện vụ việc đã nhận, không được tự ý chuyển giao vụ việc cho người khác nếu không được khách hàng đồng ý hoặc không thuộc trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p><i>e) Không được tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác;</i></p> <p><i>g) Có trách nhiệm cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, trợ giúp pháp lý, thực hiện trách nhiệm xã hội khác phù hợp với điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật khác có liên quan;</i></p> <p>h) Tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, <i>nhận thức chính trị</i> của luật sư;</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật về tố tụng và pháp luật khác có liên quan.	
<p>Điều 74. Điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài</p> <p>Luật sư nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện sau đây thì được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có Chứng chỉ hành nghề luật sư đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp; 2. Có kinh nghiệm tư vấn pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế; 3. Cam kết tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; 4. Được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cử vào hành nghề tại Việt Nam hoặc được chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam đồng ý tuyển dụng vào làm việc tại các tổ chức đó. 	<p>Điều 13. Tiêu chuẩn hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>Luật sư nước ngoài đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Có giấy tờ xác nhận tư cách hành nghề luật sư đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp.</i> 2. Có kinh nghiệm tư vấn pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế. 3. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, <i>quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.</i> 4. <i>Được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài giao hành nghề tại Việt Nam hoặc được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đồng ý tuyển dụng.</i> 	<p>- Bỏ điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài phải “cam kết” tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định điều kiện này để tạo cơ chế dễ hậu kiểm.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Thẻ chế nội dung trong chính sách 2, đơn giản hóa điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 66-NQ/TW, triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý.</p>
<p>Điều 82. Cấp, gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài</p> <p>1. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam phải có hồ sơ cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam gửi Bộ Tư pháp.</p>	<p>Điều 14. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài</p> <p>1. Luật sư nước ngoài muốn hành</p>	<p>- Không quy định thủ tục hành chính và giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>Lý do: Thẻ chế Kết luận</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài có thời hạn năm năm và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm năm.</p> <p>3. Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài thay thế Giấy phép lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam về cấp Giấy phép lao động cho lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>4. Hồ sơ cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài gồm có:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam;</p> <p>b) Giấy tờ xác nhận là luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài được cử vào hành nghề tại Việt Nam hoặc giấy tờ xác nhận về việc tuyển dụng của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, nơi luật sư nước ngoài dự kiến làm việc;</p> <p>c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư; bản tóm tắt lý lịch nghề nghiệp; phiếu lý lịch tư pháp hoặc giấy tờ khác thay thế.</p> <p>5. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam phải được gửi đến Bộ Tư pháp chậm nhất ba mươi ngày trước khi hết thời hạn hoạt động ghi trong Giấy phép. Hồ sơ gồm có:</p>	<p>nghề tại Việt Nam phải được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam. Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài có thời hạn 05 năm và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.</p> <p>Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài thay thế Giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam về cấp Giấy phép lao động.</p> <p>2. Luật sư nước ngoài được cấp lại Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài bị thu hồi khi luật sư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn hành nghề tại Việt Nam theo quy định tại Điều 13 của Luật này hoặc không được gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam;</p> <p>b) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Thôi hành nghề luật sư tại Việt Nam theo nguyện vọng;</p> <p>d) Không được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam tuyển dụng, ký</p>	<p>số 119-KL/TW, không quy định thủ tục hành chính trong văn bản Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>a) Giấy đề nghị gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam có xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam về việc tuyển dụng luật sư đó;</p> <p>b) Bản chính Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam;</p> <p>c) Ý kiến của Sở Tư pháp về quá trình hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp quyết định việc gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài; trường hợp từ chối gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p><i>kết hợp đồng lao động trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục;</i></p> <p><i>đ) Không còn tư cách hành nghề luật sư tại nước ngoài.</i></p> <p><i>4. Bộ quản lý chuyên ngành có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài.</i></p>	
<p>Điều 77. Quyền và nghĩa vụ của luật sư nước ngoài</p> <p>1. Luật sư nước ngoài có các quyền sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn hình thức hành nghề tại Việt Nam theo quy định tại Điều 75 của Luật này;</p> <p>b) Chuyển thu nhập từ hoạt động hành nghề ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Luật sư nước ngoài có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư, nghĩa vụ của luật sư theo quy định của Luật này; Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;</p>	<p><i>Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam</i></p> <p><i>1. Luật sư nước ngoài có các quyền được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 12 của Luật này, được chuyển thu nhập từ hoạt động hành nghề ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quyền khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>2. Luật sư nước ngoài có các nghĩa vụ quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều 12 của Luật này, tuân theo các nguyên tắc hành nghề luật sư quy định tại Luật này, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, tuân thủ phạm vi hành nghề theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này và các nghĩa vụ khác theo quy định của Chính phủ.</i></p>	<p>- Bổ sung nghĩa vụ của luật sư trong việc nhận, thực hiện, chuyển giao vụ việc đã nhận với khách hàng; trách nhiệm cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí và trách nhiệm xã hội khác.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Thẻ chế nội dung trong chính sách 1, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hành nghề.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 66/NQ-TW, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>c) Có mặt thường xuyên tại Việt Nam;</p> <p>d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		<p>lý, hỗ trợ pháp lý.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 27-NQ/TW, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư.</p>
<p>Điều 22. Phạm vi hành nghề luật sư</p> <p>1. Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.</p> <p>2. Tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thực hiện tư vấn pháp luật.</p> <p>4. Đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật.</p> <p>5. Thực hiện dịch vụ pháp lý khác theo quy định của Luật này.</p>	<p>Điều 16. Phạm vi hành nghề</p> <p>1. Luật sư Việt Nam được hành nghề trong phạm vi sau đây:</p> <p><i>a) Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, dân sự, hành chính;</i></p> <p>b) Đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật;</p> <p>c) Thực hiện tư vấn pháp luật;</p> <p>d) Thực hiện dịch vụ pháp lý khác.</p> <p>2. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được hành nghề trong phạm vi sau đây:</p> <p><i>a) Tư vấn pháp luật quốc tế, tư vấn pháp luật nước ngoài, thực hiện các dịch vụ pháp lý khác liên quan đến pháp luật nước ngoài trong phạm vi hành nghề được cơ</i></p>	<p>- Tích hợp và thống nhất quy định về phạm vi hành nghề của luật sư Việt Nam và luật sư nước ngoài tại cùng một điều khoản.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Việc hợp nhất giúp tạo ra một mặt bằng pháp lý chung, minh bạch, giúp các cơ quan quản lý và khách hàng dễ dàng tra cứu, đối chiếu phạm vi hoạt động của từng đối tượng.</p> <p>+ Tương thích với quy định của pháp luật về Tòa án chuyên biệt.</p> <p>+ Thẻ chế nội dung trong chính sách 2, phạm vi hành nghề</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 27. Hoạt động tham gia tố tụng của luật sư</p> <p>1. Hoạt động tham gia tố tụng của luật sư phải tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng và Luật này.</p> <p>2. Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự, luật sư xuất trình Thẻ luật sư và giấy yêu cầu luật sư của khách hàng. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi luật sư xuất trình Thẻ luật sư và giấy yêu cầu luật sư của khách hàng, cơ quan tiến hành tố tụng cấp Giấy chứng nhận về việc tham gia tố tụng của luật sư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trong trường hợp người tập sự hành nghề luật sư đi cùng với luật sư hướng dẫn trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này thì khi liên hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức, luật sư hướng dẫn xuất trình Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư và giấy tờ xác nhận có sự đồng ý của khách hàng.</p> <p>3. Khi tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bào chữa, luật sư được cơ quan tiến hành tố tụng cấp Giấy chứng nhận người bào chữa. Giấy chứng nhận người bào chữa có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo từ chối hoặc yêu cầu thay đổi luật sư hoặc luật sư không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận người bào chữa, luật sư</p>	<p><i>quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phép hoặc công nhận;</i></p> <p><i>b) Tư vấn pháp luật Việt Nam trong trường hợp có bằng cử nhân luật của Việt Nam và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tương tự đối với một luật sư Việt Nam.</i></p> <p><i>Luật sư nước ngoài và luật sư Việt Nam làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam không được thực hiện các dịch vụ về giấy tờ pháp lý, công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam hoặc tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều này.</i></p> <p><i>3. Luật sư Việt Nam và luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được làm người đại diện của các bên tham gia tố tụng tại Tòa án chuyên biệt theo quy định của pháp luật về Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm Tài chính quốc tế hoặc trường hợp được luật khác cho phép.</i></p>	<p>của luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế, các cam kết quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Thẻ chế Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tiếp tục phát triển mạnh thị trường dịch vụ pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>xuất trình các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Thẻ luật sư;</p> <p>b) Giấy yêu cầu luật sư của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc của người khác hoặc văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sư đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân trong trường hợp tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.</p> <p>Trong trường hợp người tập sự hành nghề luật sư đi cùng với luật sư hướng dẫn trong vụ án hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này thì khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận người bào chữa, luật sư hướng dẫn gửi kèm theo Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư và giấy tờ xác nhận có sự đồng ý của khách hàng đến cơ quan tiến hành tố tụng để đề nghị cho phép người tập sự được đi cùng luật sư hướng dẫn.</p> <p>Chậm nhất là ba ngày làm việc hoặc 24 giờ đối với trường hợp tạm giữ, kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ, cơ quan tiến hành tố tụng cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư, trong đó cho phép người tập sự hành nghề luật sư tham gia vụ việc (nếu có); trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng.</p> <p>Khi cần liên hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền, nghĩa vụ và các hoạt động có liên quan đến việc bào chữa trong vụ án hình sự, luật sư xuất trình Thẻ luật sư và Giấy chứng nhận người bào chữa của luật sư.</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>4. Luật sư chỉ bị từ chối cấp Giấy chứng nhận người bào chữa khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất từ chối luật sư;</p> <p>b) Luật sư là người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó;</p> <p>c) Luật sư đã tham gia trong vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định hoặc người phiên dịch;</p> <p>d) Luật sư là người đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó.</p> <p>5. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước khác và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư khi hành nghề, không được cản trở hoạt động hành nghề của luật sư.</p> <p>Điều 28. Hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư</p> <p>1. Tư vấn pháp luật là việc luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ.</p> <p>Luật sư thực hiện tư vấn pháp luật trong tất cả các lĩnh vực pháp luật.</p> <p>2. Khi thực hiện tư vấn pháp luật, luật sư phải giúp khách hàng thực hiện đúng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.</p> <p>Điều 29. Hoạt động đại diện ngoài tố tụng của luật sư</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>1. Luật sư đại diện cho khách hàng để giải quyết các công việc có liên quan đến việc mà luật sư đã nhận theo phạm vi, nội dung được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức nơi luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động.</p> <p>2. Khi đại diện cho khách hàng, luật sư có quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 30. Hoạt động dịch vụ pháp lý khác của luật sư</p> <p>1. Dịch vụ pháp lý khác của luật sư bao gồm giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Khi thực hiện dịch vụ pháp lý khác, luật sư có quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 76. Phạm vi hành nghề của luật sư nước ngoài</p> <p>Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được tư vấn pháp luật nước ngoài và pháp luật quốc tế, được thực hiện các dịch vụ pháp lý khác liên quan đến pháp luật nước ngoài, được tư vấn pháp luật Việt Nam trong trường hợp có Bằng cử nhân luật của Việt Nam và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tương tự như đối với một luật sư Việt Nam, không được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án Việt Nam.</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 23. Hình thức hành nghề của luật sư</p> <p>Luật sư được lựa chọn một trong hai hình thức hành nghề sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện bằng việc thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư; làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư; Hành nghề với tư cách cá nhân theo quy định tại Điều 49 của Luật này. <p>Điều 75. Hình thức hành nghề của luật sư nước ngoài</p> <p>Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm việc với tư cách thành viên cho một chi nhánh hoặc một công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; Làm việc theo hợp đồng cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam. 	<p>Điều 17. Hình thức hành nghề</p> <ol style="list-style-type: none"> Luật sư Việt Nam được lựa chọn một trong các hình thức hành nghề sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện bằng việc thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư; <i>Làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư ở nước ngoài</i> theo hợp đồng lao động; Hành nghề với tư cách cá nhân theo quy định của Luật này. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được lựa chọn một trong các hình thức hành nghề sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Làm việc với tư cách thành viên cho một Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Chi nhánh) hoặc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh, công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam (sau đây gọi chung là công ty luật nước ngoài tại Việt Nam); Làm việc theo <i>hợp đồng lao động</i> 	<p>- Tích hợp quy định về hình thức hành nghề của luật sư Việt Nam và luật sư nước ngoài vào chung điều khoản.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Tạo sự thống nhất trong quản lý hành nghề, không phân biệt đối xử về hình thức hoạt động giữa luật sư trong nước và nước ngoài, giúp hệ thống pháp luật tinh gọn, dễ tra cứu.</p> <p>+ Thể chế nội dung trong chính sách 2, quy định thống nhất điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	cho một Chi nhánh hoặc một công ty luật nước ngoài tại Việt Nam hoặc một tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.	
<p>Điều 4. Dịch vụ pháp lý của luật sư</p> <p>Dịch vụ pháp lý của luật sư bao gồm tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng và các dịch vụ pháp lý khác.</p> <p>Điều 26. Thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý</p> <p>1. Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được làm thành văn bản và có những nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, đại diện của tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân;</p> <p>b) Nội dung dịch vụ; thời hạn thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Quyền, nghĩa vụ của các bên;</p> <p>d) Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; các khoản chi phí (nếu có);</p>	<p>Điều 18. Cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư</p> <p><i>1. Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý có thu thù lao theo hợp đồng dịch vụ pháp lý ký với khách hàng. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được lập thành văn bản và được ký trước khi luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện dịch vụ, trừ trường hợp cấp bách để bảo vệ quyền lợi của khách hàng thì có thể thỏa thuận bằng lời nói nhưng phải được lập thành văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận vụ việc.</i></p> <p><i>Hợp đồng ký kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng bằng văn bản nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung của hợp đồng dịch vụ pháp lý quy định tại Luật này.</i></p> <p>2. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải có đủ các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, luật sư hoặc</p>	<p>- Lược bớt và chuẩn hóa quy định về hình thức, nội dung cơ bản của Hợp đồng dịch vụ pháp lý.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Bảo đảm tính công khai, minh bạch về quyền, nghĩa vụ và mức thù lao ngay từ khi bắt đầu dịch vụ; hoàn thiện các quy định về hành nghề theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ pháp lý; tăng cường tính tự thỏa thuận trong khuôn khổ đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>+ Thê chế nội dung trong chính sách 2, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị điều hành, cung cấp dịch vụ pháp lý.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>đ) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;</p> <p>e) Phương thức giải quyết tranh chấp.</p> <p>Điều 54. Thù lao luật sư</p> <p>Khách hàng phải trả thù lao khi sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư. Việc nhận thù lao được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 55. Căn cứ và phương thức tính thù lao</p> <p>1. Mức thù lao được tính dựa trên các căn cứ sau đây:</p> <p>a) Nội dung, tính chất của dịch vụ pháp lý;</p> <p>b) Thời gian và công sức của luật sư sử dụng để thực hiện dịch vụ pháp lý;</p> <p>c) Kinh nghiệm và uy tín của luật sư.</p> <p>2. Thù lao được tính theo các phương thức sau đây:</p> <p>a) Giờ làm việc của luật sư;</p> <p>b) Vụ, việc với mức thù lao trọn gói;</p> <p>c) Vụ, việc với mức thù lao tính theo tỷ lệ phần trăm của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án;</p> <p>d) Hợp đồng dài hạn với mức thù lao cố định.</p> <p>Điều 56. Thù lao, chi phí trong trường hợp luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý</p> <p>1. Mức thù lao được thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý; đối với vụ án hình sự mà luật sư tham gia tố tụng thì mức thù lao</p>	<p>đại diện của tổ chức hành nghề luật sư;</p> <p>b) Phạm vi dịch vụ, trong đó mô tả các công việc luật sư thực hiện và các giới hạn công việc (nếu có);</p> <p>c) Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; các khoản chi phí (nếu có);</p> <p>d) Quyền, nghĩa vụ của các bên;</p> <p>đ) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;</p> <p>e) Phương thức giải quyết tranh chấp.</p> <p>Trường hợp tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, thực hiện trợ giúp pháp lý thì luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thù lao của vụ việc được tính theo một hoặc các phương thức sau đây:</p> <p>a) Giờ làm việc của luật sư;</p> <p>b) Mức thù lao trọn gói;</p> <p>c) Mức thù lao tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị vụ việc;</p> <p>d) Hợp đồng thường xuyên với mức thù lao cố định.</p> <p>4. Ngoài thù lao quy định tại khoản 3 của Điều này, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư được thanh toán chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí thực tế, hợp lý khác cho việc thực</p>	<p>+ Thể chế Kết luận số 09-KL/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Gộp các quy định về thù lao và chi phí vào chung một điều khoản.</p> <p>Lý do: Giúp khách hàng và luật sư có cái nhìn tổng thể về nghĩa vụ tài chính khi ký kết hợp đồng; đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, tránh các tranh chấp phát sinh do thiếu thông tin về chi phí phát sinh; Luật chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>không được vượt quá mức trần thù lao do Chính phủ quy định.</p> <p>2. Tiền tàu xe, lưu trú và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dịch vụ pháp lý do các bên thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.</p> <p>Điều 57. Thù lao, chi phí trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng</p> <p>Luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng được nhận thù lao và được thanh toán chi phí theo quy định của Chính phủ.</p> <p>Điều 58. Tiền lương theo hợp đồng lao động của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân</p> <p>Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc cho cơ quan, tổ chức theo hợp đồng lao động được nhận tiền lương theo thoả thuận trong hợp đồng lao động.</p> <p>Việc thoả thuận, chi trả tiền lương được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.</p>	<p>hiện dịch vụ pháp lý theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.</p> <p>5. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp có quyền quyết định một bên phải chi trả toàn bộ hoặc một phần thù lao và chi phí hợp lý để thuê luật sư theo yêu cầu của bên kia.</p>	
<p>Điều 32. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư, điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm:</p> <p>a) Văn phòng luật sư;</p> <p>b) Công ty luật.</p> <p>2. Tổ chức hành nghề luật sư được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 19. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam bao gồm:</p> <p>a) Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; văn phòng luật sư có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật; luật sư thành lập văn phòng luật sư là</p>	<p>- Bỏ quy định, luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>3. Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư:</p> <p>a) Luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Tổ chức hành nghề luật sư phải có trụ sở làm việc.</p> <p>4. Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư. Trong trường hợp luật sư ở các Đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập một công ty luật thì có thể lựa chọn thành lập và đăng ký hoạt động tại địa phương nơi có Đoàn luật sư mà một trong các luật sư đó là thành viên.</p> <p>5. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, các luật sư thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư không phải là thành viên của Đoàn luật sư nơi có tổ chức hành nghề luật sư phải chuyển về gia nhập Đoàn luật sư nơi có tổ chức hành nghề luật sư hoặc chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 20 của Luật này.</p> <p>Điều 33. Văn phòng luật sư</p> <p>1. Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>Luật sư thành lập văn phòng luật sư là Trưởng văn phòng và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi nghĩa vụ của văn phòng. Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật của văn phòng.</p>	<p>Trưởng văn phòng và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi nghĩa vụ của văn phòng; Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật của văn phòng;</p> <p>b) Công ty luật bao gồm công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>Công ty luật hợp danh do ít nhất 02 luật sư thành lập. Công ty luật hợp danh không có thành viên góp vốn.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn bao gồm công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên do 01 luật sư thành lập và làm chủ sở hữu. <i>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ít nhất 02 luật sư thành lập, có thể có thành viên góp vốn theo quy định của Chính phủ. Thành viên góp vốn không được làm người đại diện theo pháp luật, không được cung cấp dịch vụ pháp lý và không được tham gia hoạt động điều hành của Công ty.</i></p> <p>2. Các thành viên công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thoả thuận cử 01 luật sư thành viên hoặc luật sư làm việc theo hợp đồng lao động làm Giám đốc công ty và là người đại diện theo pháp luật. Luật sư làm chủ sở hữu công ty luật trách nhiệm hữu hạn</p>	<p>lao động cho cơ quan, tổ chức.</p> <p>- Bổ sung một số quy định về trường một chi nhánh công ty luật, văn phòng luật sư.</p> <p>- Bổ sung quy định, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ít nhất 02 luật sư thành lập, có thể có thành viên góp vốn.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Thẻ chế nội dung trong chính sách 2, tạo điều kiện cho luật sư, tổ chức hành nghề luật sư chuyên nghiệp, hiệu quả; đơn giản hóa điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 66-NQ/TW, triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, tạo môi trường kinh doanh</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>2. Tên của văn phòng luật sư do luật sư lựa chọn và theo quy định của Luật doanh nghiệp nhưng phải bao gồm cụm từ “văn phòng luật sư”, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề luật sư khác đã được đăng ký hoạt động, không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.</p> <p>3. Văn phòng luật sư có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 34. Công ty luật</p> <p>1. Công ty luật bao gồm công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn. Thành viên của công ty luật phải là luật sư.</p> <p>2. Công ty luật hợp danh do ít nhất hai luật sư thành lập. Công ty luật hợp danh không có thành viên góp vốn.</p> <p>3. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn bao gồm công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do ít nhất hai luật sư thành lập.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một luật sư thành lập và làm chủ sở hữu.</p> <p>4. Các thành viên công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thoả thuận cử một thành viên làm Giám đốc công ty. Luật sư làm chủ sở hữu công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Giám đốc công ty.</p>	<p>một thành viên là Giám đốc công ty và là người đại diện theo pháp luật.</p> <p>Công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật.</p> <p>3. Giám đốc công ty luật, Trưởng văn phòng luật sư chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư và các đơn vị trực thuộc. Người đại diện theo pháp luật của một tổ chức hành nghề luật sư không được làm người đại diện theo pháp luật của một tổ chức hành nghề luật sư khác.</p> <p>4. Tổ chức hành nghề luật sư phải có trụ sở làm việc và được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>Tên của tổ chức hành nghề luật sư được lựa chọn và thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhưng phải bao gồm cụm từ để xác định chính xác hình thức của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề luật sư khác đã được đăng ký hoạt động, không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.</p> <p>5. Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư. Trường hợp các luật sư ở các Đoàn Luật</p>	<p>thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>5. Tên của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do các thành viên thỏa thuận lựa chọn, tên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu lựa chọn và theo quy định của Luật doanh nghiệp nhưng phải bao gồm cụm từ “công ty luật hợp danh” hoặc “công ty luật trách nhiệm hữu hạn”, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề luật sư khác đã được đăng ký hoạt động, không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.</p>	<p>sư khác nhau cùng tham gia thành lập một công ty luật thì được lựa chọn thành lập và đăng ký hoạt động tại địa phương nơi có Đoàn Luật sư mà một trong các luật sư đó là thành viên.</p>	
<p>Điều 35. Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật là thành viên. Công ty luật do luật sư ở các Đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của công ty.</p> <p>2. Tổ chức hành nghề luật sư phải có hồ sơ đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp. Hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thống nhất; b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật; c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật; d) Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật 	<p>Điều 20. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở quản lý chuyên ngành nơi có Đoàn Luật sư mà Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật là thành viên. Công ty luật do các luật sư ở các Đoàn Luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập thì đăng ký hoạt động tại Sở quản lý chuyên ngành nơi có trụ sở của công ty.</p> <p>2. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư được khắc và sử dụng con dấu theo quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư được cấp lại khi bị mất, bị rách, bị cháy hoặc thay đổi thông tin trên</p>	<p>- Gộp các quy định về cấp, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động vào chung một điều khoản.</p> <p>Lý do: Việc gộp này giúp hệ thống hóa toàn bộ quy trình quản lý giấy phép của một tổ chức hành nghề, giúp luật sư và cơ quan quản lý dễ dàng theo dõi và thực hiện thủ tục một cách xuyên suốt.</p> <p>- Không quy định hồ sơ, thủ tục hành chính và giao Chính phủ quy định.</p> <p>Lý do: Thẻ chế Kết luận số 119-KL/TW, không quy định thủ tục hành chính trong văn bản</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>sur.</p> <p>3. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, người bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tổ chức hành nghề luật sư được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Đoàn luật sư mà mình là thành viên.</p> <p>Điều 36. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Khi có sự thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch, lĩnh vực hành nghề, danh sách luật sư thành viên, người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư, các nội dung khác trong hồ sơ đăng ký hoạt động thì trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, tổ chức hành nghề luật sư phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động. Trường hợp có thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi hoặc kể từ ngày nhận được Giấy đăng ký hoạt động cấp lại, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Đoàn luật sư về việc</p>	<p>Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>4. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>c) Không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn 06 tháng, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không hoạt động trở lại kể từ ngày hết thời hạn tạm ngừng mà quá 06 tháng không có báo cáo về việc tiếp tục tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả thành viên của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị chết, bị tuyên bố mất tích hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>e) Không gửi báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong 02 năm liên tiếp, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản của cơ</p>	<p>Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>thay đổi.</p> <p>2. Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, tổ chức hành nghề luật sư được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Điều 37. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Đoàn luật sư nơi tổ chức hành nghề luật sư đặt trụ sở.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu Sở Tư pháp cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động; cấp bản sao Giấy đăng ký hoạt động, chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký hoạt động hoặc trích lục nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư và phải trả phí theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sở Tư pháp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về nội dung đăng ký hoạt động theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Điều 38. Công bố nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải đăng báo hằng</p>	<p>quan có thẩm quyền;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Sở quản lý chuyên ngành có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>ngày của trung ương hoặc địa phương nơi đăng ký hoạt động hoặc báo chuyên ngành luật trong ba số liên tiếp về những nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tên tổ chức hành nghề luật sư;</p> <p>b) Địa chỉ trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, văn phòng giao dịch;</p> <p>c) Lĩnh vực hành nghề;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ, số Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư là Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật và các thành viên sáng lập khác;</p> <p>đ) Số Giấy đăng ký hoạt động, nơi đăng ký hoạt động, ngày, tháng, năm cấp Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>2. Trong trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải công bố những nội dung thay đổi đó trong thời hạn và theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 47. Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>c) Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công</p>	<p>Điều 21. Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>c) Trưởng văn phòng luật sư, Giám</p>	<p>- Gộp các quy định về Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư vào chung một điều.</p> <p>Lý do: Để luật sư, cơ quan quản lý dễ theo dõi, thực hiện; Luật chỉ quy định các vấn đề về nguyên tắc; giảm số điều</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>d) Công ty luật bị hợp nhất, bị sáp nhập;</p> <p>đ) Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết.</p> <p>2. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này thì chậm nhất là ba mươi ngày, trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, Đoàn luật sư ở địa phương nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh.</p> <p>Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; thực hiện xong các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng. Trong trường hợp không thể thực hiện xong hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng thì phải thoả thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đó.</p> <p>3. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi Giấy đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Đoàn luật sư, cơ quan thuế ở địa phương nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh về việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày bị thu hồi Giấy</p>	<p>đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả thành viên của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị chết, bị tuyên bố mất tích hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;</p> <p>d) Công ty luật bị hợp nhất, bị sáp nhập.</p> <p>2. Chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Theo quyết định của tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.</p>	<p>luật của dự thảo.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải nộp đủ số thuế còn nợ; thanh toán xong các khoản nợ khác; làm xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư; đối với hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng nhưng chưa thực hiện xong thì phải thoả thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đó.</p> <p>4. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết, Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Đoàn luật sư, cơ quan thuế ở địa phương nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh về việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Việc giải quyết quyền, nghĩa vụ về tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>Điều 48. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức hành nghề luật sư đã thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Theo quyết định của tổ chức hành nghề luật sư đã thành lập</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>chi nhánh, văn phòng giao dịch;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.</p> <p>2. Tổ chức hành nghề luật sư phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch do mình thành lập.</p> <p>Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động</p> <p>1. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động được thực hiện dịch vụ pháp lý theo nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động, của cơ quan, tổ chức thuê luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		
<p>Điều 39. Quyền của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Thực hiện dịch vụ pháp lý.</p> <p>2. Nhận thù lao từ khách hàng.</p> <p>3. Thuê luật sư Việt Nam, luật sư nước ngoài và nhân viên làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>4. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia tư vấn, giải quyết các vụ việc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hợp tác với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.</p>	<p>Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư có các quyền sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ pháp lý và nhận thù lao từ khách hàng;</p> <p>b) Nhận luật sư tập sự vào tập sự hành nghề luật sư;</p> <p>c) Tuyển dụng luật sư Việt Nam, luật sư nước ngoài và nhân viên làm việc cho tổ</p>	<p>- Gộp các quy định về quyền, nghĩa vụ, tạm ngừng, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách của cả TCHN luật sư và chi nhánh vào chung một điều.</p> <p>Lý do: Tổ chức hành nghề, cơ quan quản lý dễ theo dõi, thực hiện ; giảm số điều luật của dự thảo.</p> <p>- Bổ sung quy định, thời</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>6. Thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch trong nước.</p> <p>7. Đặt cơ sở hành nghề ở nước ngoài.</p> <p>8. Các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 40. Nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Hoạt động theo đúng lĩnh vực hành nghề ghi trong Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>2. Thực hiện đúng những nội dung đã giao kết với khách hàng.</p> <p>3. Cử luật sư của tổ chức mình tham gia tố tụng theo phân công của Đoàn luật sư.</p> <p>4. Tạo điều kiện cho luật sư của tổ chức mình thực hiện trợ giúp pháp lý và tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng cho luật sư.</p> <p>5. Bồi thường thiệt hại do lỗi mà luật sư của tổ chức mình gây ra cho khách hàng.</p> <p>6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>7. Chấp hành quy định của Luật này và pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê.</p> <p>8. Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra.</p> <p>9. Nhận người tập sự hành nghề luật sư và cử luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự được</p>	<p><i>chức hành nghề luật sư;</i></p> <p><i>d) Ký hợp đồng dịch vụ pháp lý thường xuyên hoặc theo vụ việc cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước;</i></p> <p><i>đ) Tham gia thẩm định pháp lý đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công đặc biệt theo pháp luật đầu tư công khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;</i></p> <p><i>e) Thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch, công ty con, cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài; liên doanh, hợp tác kinh doanh với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chia, tách, tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư;</i></p> <p><i>g) Cử luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý ở nước ngoài trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước sở tại;</i></p> <p><i>h) Tham gia xây dựng, góp ý, kiến nghị chính sách, pháp luật; công việc khác theo đề nghị của cơ quan nhà nước;</i></p> <p><i>i) Hợp tác với tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ pháp lý;</i></p> <p><i>k) Tham gia làm thành viên của Đoàn Luật sư nơi có trụ sở;</i></p>	<p>gian tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư không quá 02 lần, mỗi lần không quá 12 tháng.</p> <p>Lý do: Giải quyết bất cập trong thực tiễn thời gian qua Luật Luật sư không quy định nội dung này dẫn tới việc tổ chức hành nghề luật sư hoạt động không chuyên nghiệp, hiệu quả nhưng không có căn cứ pháp lý thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>tập sự, giám sát quá trình tập sự của người tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>10. Thực hiện việc quản lý và bảo đảm cho luật sư của tổ chức mình tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.</p> <p>11. Thực hiện nghĩa vụ báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức mình theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 45. Hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Hai hoặc nhiều công ty luật cùng loại có thể hợp nhất thành một công ty luật mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty luật hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty luật bị hợp nhất.</p> <p>2. Một hoặc nhiều công ty luật có thể sáp nhập vào công ty luật khác cùng loại bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty luật nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty luật bị sáp nhập.</p> <p>3. Văn phòng luật sư có thể chuyển đổi thành công ty luật trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư theo quy định của pháp luật.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại; công ty luật trách nhiệm hữu hạn được chuyển</p>	<p><i>l) Thực hiện hoạt động đầu tư, ký hợp đồng hợp tác kinh doanh và hình thức khác để đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư;</i></p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Tổ chức hành nghề luật sư có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hoạt động theo đúng phạm vi, lĩnh vực hành nghề ghi trong Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p><i>b) Thực hiện đúng các nội dung đã giao kết với khách hàng; bảo đảm người làm việc trong tổ chức hành nghề luật sư không tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng của tổ chức mình;</i></p> <p>c) Cử luật sư của tổ chức mình tham gia tố tụng theo phân công của Đoàn Luật sư;</p> <p><i>d) Tạo điều kiện cho luật sư của tổ chức mình thực hiện dịch vụ pháp lý miễn phí, trợ giúp pháp lý, tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng luật sư và thực hiện trách nhiệm xã hội khác của luật sư;</i></p> <p>đ) Bồi thường thiệt hại do lỗi của luật sư của tổ chức mình gây ra cho khách hàng;</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>đổi thành công ty luật hợp danh và ngược lại. Công ty luật được chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của công ty luật bị chuyển đổi.</p> <p>4. Chính phủ quy định thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>Điều 46. Tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư có quyền tạm ngừng hoạt động nhưng phải báo cáo bằng văn bản về việc tạm ngừng và tiếp tục hoạt động với Sở Tư pháp, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Đoàn luật sư ở địa phương nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh, chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động. Thời gian tạm ngừng hoạt động không quá hai năm.</p> <p>2. Báo cáo về việc tạm ngừng hoạt động có những nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tên tổ chức hành nghề luật sư;</p> <p>b) Số, ngày, tháng, năm cấp Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>c) Địa chỉ trụ sở;</p> <p>d) Thời gian tạm ngừng hoạt động, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng hoạt động;</p> <p>đ) Lý do tạm ngừng hoạt động;</p> <p>e) Báo cáo về việc thanh toán nợ, giải quyết các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng và hợp đồng lao động đã ký</p>	<p>e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật;</p> <p><i>h) Báo cáo Sở quản lý chuyên ngành nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư về tổ chức và hoạt động của tổ chức mình hằng năm hoặc theo yêu cầu; báo cáo Sở quản lý chuyên ngành nơi chi nhánh đăng ký hoạt động (nếu có) về tình hình tổ chức, hoạt động của chi nhánh hằng năm hoặc theo yêu cầu;</i></p> <p>i) Nhận luật sư tập sự và cử luật sư có đủ điều kiện để hướng dẫn tập sự; tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tập sự, giám sát quá trình tập sự;</p> <p><i>k) Thực hiện việc quản lý và bảo đảm cho luật sư của tổ chức mình tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; thực hiện kiểm tra xung đột lợi ích; quản lý thu thù lao luật sư và lưu trữ hồ sơ vụ việc;</i></p> <p>l) Đào tạo, bồi dưỡng luật sư làm việc trong tổ chức mình để đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ pháp lý;</p> <p>m) Các nghĩa vụ khác theo quy định</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>với luật sư, nhân viên của tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>3. Sở Tư pháp có quyền yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư tạm ngừng hoạt động khi phát hiện tổ chức hành nghề luật sư đó không có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trong thời gian tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư phải nộp đủ số thuế còn nợ, tiếp tục thanh toán các khoản nợ khác, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>Đối với hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng nhưng chưa thực hiện xong thì phải thỏa thuận với khách hàng về việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đó.</p> <p>5. Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tạm ngừng hoạt động thì các chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư đó cũng phải tạm ngừng hoạt động.</p>	<p>của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Tổ chức hành nghề luật sư có quyền và trách nhiệm thực hiện thẩm định pháp lý và đưa ra ý kiến pháp lý đối với các giao dịch, dự án hoặc vụ việc trong trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có ý kiến pháp lý hoặc theo yêu cầu của khách hàng.</p>	
<p>Điều 49. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân</p> <p>1. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân là luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>2. Trường hợp hợp đồng lao động có thỏa thuận thì luật sư hành nghề với tư cách cá nhân phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho hoạt động hành nghề của mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>3. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân không được cung cấp dịch vụ pháp lý cho cá nhân, cơ quan, tổ chức khác ngoài cơ</p>	<p>Điều 23. Hoạt động của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân</p> <p>1. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân là luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư; trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động cho nhiều cơ quan, tổ chức thì phải được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức đã ký hợp đồng lao động.</p> <p>Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân không được cung cấp dịch vụ pháp lý cho cá</p>	<p>- Gộp các quy định về điều kiện, quyền và nghĩa vụ của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân vào chung một điều.</p> <p>Lý do: Để luật sư, cơ quan quản lý dễ theo dõi, thực hiện; giảm số điều luật của dự thảo.</p> <p>- Quy định chặt chẽ về việc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân không được thành</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>quan, tổ chức mình đã ký hợp đồng lao động, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước yêu cầu hoặc tham gia tổ tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và thực hiện trợ giúp pháp lý theo sự phân công của Đoàn luật sư mà luật sư là thành viên.</p> <p>Điều 50. Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân</p> <p>1. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà luật sư đó là thành viên.</p> <p>Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành, kèm theo hồ sơ gửi Sở Tư pháp.</p> <p>Hồ sơ gồm có:</p> <p>a) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư;</p> <p>b) Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Luật sư được hành nghề với tư cách cá nhân kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân phải gửi thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao Giấy đăng ký hành nghề luật sư cho Đoàn luật sư</p>	<p>nhân, cơ quan, tổ chức khác ngoài cơ quan, tổ chức mình đã ký hợp đồng lao động, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước yêu cầu hoặc tham gia tổ tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng theo sự phân công của Đoàn Luật sư nơi luật sư là thành viên.</p> <p><i>Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc tại các Trung tâm tư vấn pháp luật được cung cấp dịch vụ pháp lý cho cá nhân, cơ quan, tổ chức là khách hàng của Trung tâm mà mình đã ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân đăng ký hành nghề tại Sở quản lý chuyên ngành nơi có Đoàn Luật sư mà luật sư đó là thành viên.</p> <p>3. Giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự chấm dứt hành nghề;</p> <p>b) Bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.</p> <p>4. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân được thực hiện dịch vụ pháp lý theo nội dung hợp đồng lao động đã ký kết với cơ quan, tổ chức; chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra; báo cáo Sở quản lý</p>	<p>lập tổ chức hành nghề hoặc ký hợp đồng dịch vụ trực tiếp với khách hàng bên ngoài.</p> <p>Lý do: Thể chế hóa nội dung trong chính sách 2, hoàn thiện quy định về hành nghề theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch; tránh tình trạng xung đột lợi ích và bảo đảm quản lý nhà nước chặt chẽ đối với các chức danh tư pháp.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>mà mình là thành viên.</p> <p>4. Trường hợp luật sư chuyển Đoàn luật sư thì phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hành nghề, nộp lại Giấy đăng ký hành nghề luật sư đã được cấp trước đó và thực hiện thủ tục đăng ký hành nghề với Sở Tư pháp nơi có Đoàn luật sư mà mình chuyển đến. Thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.</p> <p>Trường hợp luật sư chấm dứt việc hành nghề thì Sở Tư pháp thu hồi Giấy đăng ký hành nghề luật sư.</p> <p>Điều 51. Thay đổi, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân</p> <p>Việc thay đổi nội dung đăng ký hành nghề luật sư, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hành nghề luật sư của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này.</p>	<p>chuyên ngành nơi có trụ sở của cơ quan, tổ chức ký hợp đồng lao động về tổ chức và hoạt động của mình hằng năm hoặc theo yêu cầu và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật về lao động và pháp luật khác có liên quan.</p>	
<p>Điều 69. Hình thức hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (sau đây gọi là chi nhánh);</p> <p>b) Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh, công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước</p>	<p>Điều 24. Hình thức hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài;</p> <p>b) Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên</p>	<p>- Gộp các quy định về hình thức hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài để điều luật được rõ ràng, gọn hơn; không quy định thủ tục hành chính và giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>Lý do: Thể chế Kết luận số 119-KL/TW, không quy định thủ tục hành chính trong văn bản</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam (sau đây gọi chung là công ty luật nước ngoài).</p> <p>2. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Chính phủ quy định việc hợp nhất, sáp nhập các công ty luật nước ngoài cùng loại; chuyển đổi chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài; chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam; tạm ngừng, chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.</p> <p>Điều 71. Chi nhánh</p> <p>1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, được thành lập tại Việt Nam theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và chi nhánh của mình chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh trước pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cử một luật sư làm Trưởng chi nhánh. Trưởng chi nhánh quản lý, điều hành hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của tổ chức luật sư nước ngoài. Trưởng chi nhánh có thể là luật sư Việt Nam.</p> <p>Điều 72. Công ty luật nước ngoài</p> <p>1. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn</p>	<p>doanh, công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam.</p> <p>2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, được thành lập tại Việt Nam theo quy định của Luật này. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và Chi nhánh chịu trách nhiệm về hoạt động của Chi nhánh trước pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài là tổ chức hành nghề luật sư do một hoặc nhiều tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành lập tại Việt Nam.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh là tổ chức hành nghề luật sư liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.</p> <p>Công ty luật hợp danh là tổ chức hành nghề luật sư hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam.</p> <p>Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam được thành lập chi nhánh ở trong và ngoài tỉnh, thành phố nơi đăng ký hoạt động theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam chỉ</p>	<p>Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>nước ngoài là tổ chức hành nghề luật sư do một hoặc nhiều tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành lập tại Việt Nam.</p> <p>Công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh là tổ chức hành nghề luật sư liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.</p> <p>Công ty luật hợp danh là tổ chức hành nghề luật sư hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam.</p> <p>2. Giám đốc công ty luật nước ngoài là luật sư nước ngoài hoặc luật sư Việt Nam.</p> <p>Điều 81. Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam được thành lập chi nhánh ở trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đăng ký hoạt động.</p> <p>2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. Chi nhánh được thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với lĩnh vực hành nghề ghi trong Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>3. Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh.</p> <p>4. Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có hồ sơ thành lập chi nhánh gửi Bộ Tư pháp. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét cấp Giấy phép</p>	<p><i>được làm Trưởng Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Giám đốc của một công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam chỉ được đồng thời làm Trưởng một chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam trong cùng một thời điểm.</i></p> <p><i>5. Ý kiến tư vấn về pháp luật Việt Nam do tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam cung cấp cho khách hàng phải được lập thành văn bản, do luật sư Việt Nam thực hiện và có chữ ký của luật sư Việt Nam.</i></p> <p><i>6. Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, thực hiện trách nhiệm xã hội khác phù hợp với điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>thành lập chi nhánh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.</p> <p>5. Hồ sơ thành lập chi nhánh gồm có:</p> <p>a) Đơn đề nghị thành lập chi nhánh;</p> <p>b) Bản sao Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài;</p> <p>c) Giấy uỷ quyền cho luật sư làm Trưởng chi nhánh;</p> <p>d) Bản sao Giấy phép hành nghề của luật sư được uỷ quyền làm Trưởng chi nhánh;</p> <p>đ) Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</p> <p>6. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải đăng ký hoạt động của chi nhánh tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở của chi nhánh.</p>		
<p>Điều 68. Điều kiện hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.</p> <p>Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã được thành lập và đang hành nghề luật sư hợp pháp tại nước ngoài được phép hành nghề tại Việt Nam theo quy định của Luật này khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Cam kết và bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>2. Cam kết và bảo đảm có ít nhất hai luật sư nước ngoài, kể cả Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và</p>	<p>Điều 25. Thành lập, cấp, cấp lại, chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài muốn thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải là tổ chức đã được thành lập và đang hành nghề luật sư hợp pháp tại nước ngoài; cử 01 luật sư nước ngoài hoặc 01 luật sư Việt Nam làm Trưởng Chi nhánh hoặc Giám đốc Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam và bảo đảm có thêm ít nhất 01 luật sư nước ngoài khác</p>	<p>- Gộp các quy định về Thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam để điều luật được rõ ràng, gọn hơn; không quy định thủ tục hành chính và giao Chính phủ quy định chi tiết.</p> <p>- Giảm tiêu chuẩn thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam từ 02</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng;</p> <p>3. Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư.</p> <p>Điều 70. Phạm vi hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài</p> <p>Chi nhánh, công ty luật nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác, không được cử luật sư nước ngoài và luật sư Việt Nam trong tổ chức hành nghề của mình tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án Việt Nam hoặc thực hiện các dịch vụ về giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam, được cử luật sư Việt Nam trong tổ chức hành nghề của mình tư vấn pháp luật Việt Nam.</p> <p>Điều 78. Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài</p> <p>1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài phải có hồ sơ thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài gửi Bộ Tư pháp. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.</p> <p>Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>2. Hồ sơ thành lập chi nhánh gồm có:</p>	<p>hành nghề tại Việt Nam.</p> <p>Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam được phép hoạt động sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác; không được cử luật sư nước ngoài và luật sư Việt Nam trong tổ chức mình thực hiện các dịch vụ về giấy tờ pháp lý, công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam, tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật này; được cử luật sư Việt Nam trong tổ chức mình tư vấn pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Giấy phép thành lập Chi nhánh, công ty luật nước ngoài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, công ty luật nước ngoài được cấp lại khi bị mất, bị rách, bị cháy hoặc thay đổi thông tin trên Giấy phép</p>	<p>luật sư nước ngoài xuống 01 luật sư nước ngoài.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Tạo điều kiện cho việc thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; tạo điều kiện cho luật sư Việt Nam được tham gia điều hành tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>+ Thể chế Kết luận số 119-KL/TW, không quy định thủ tục hành chính trong văn bản Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>a) Đơn đề nghị thành lập chi nhánh;</p> <p>b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;</p> <p>c) Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài;</p> <p>d) Danh sách luật sư nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh;</p> <p>đ) Quyết định cử luật sư làm Trưởng chi nhánh.</p> <p>3. Hồ sơ thành lập công ty luật nước ngoài gồm có:</p> <p>a) Đơn đề nghị thành lập công ty luật nước ngoài;</p> <p>b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp; bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đối với hình thức liên doanh;</p> <p>c) Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đối với hình thức liên doanh;</p> <p>d) Danh sách luật sư nước ngoài dự kiến làm việc tại công ty; danh sách luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại công ty kèm theo bản sao Thẻ luật sư;</p> <p>đ) Dự thảo Điều lệ công ty luật nước ngoài; hợp đồng liên doanh đối với hình thức liên doanh.</p> <p>4. Điều lệ công ty luật nước ngoài gồm những nội dung chính</p>	<p><i>thành lập, Giấy đăng ký hoạt động.</i></p> <p>4. Giấy phép thành lập của Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự chấm dứt hoạt động tại Việt Nam;</p> <p><i>b) Không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập;</i></p> <p><i>c) Không đăng ký hoạt động sau 60 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, trừ trường hợp có lý do chính đáng;</i></p> <p>d) Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành lập Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam không còn hoạt động ở nước ngoài;</p> <p>đ) Trưởng Chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam không còn đủ tiêu chuẩn hành nghề theo quy định của Luật này hoặc không được gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam;</p> <p>e) Trường hợp quy định tại điểm c, d hoặc e khoản 4 Điều 20 của Luật này.</p> <p>5. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở, chi nhánh; tên, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài;</p> <p>b) Lĩnh vực hành nghề của công ty luật nước ngoài;</p> <p>c) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và quan hệ của luật sư thành viên công ty luật nước ngoài;</p> <p>d) Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty luật nước ngoài;</p> <p>đ) Người đại diện theo pháp luật của công ty luật nước ngoài;</p> <p>e) Thời hạn hoạt động, điều kiện chấm dứt hoạt động của công ty luật nước ngoài;</p> <p>g) Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty luật nước ngoài.</p> <p>Điều 79. Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài</p> <p>1. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở.</p> <p>2. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm có:</p> <p>a) Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài;</p> <p>b) Giấy tờ chứng minh về trụ sở.</p> <p>3. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty</p>	<p>a) Tự chấm dứt hoạt động;</p> <p>b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>c) Công ty luật bị hợp nhất, bị sáp nhập.</p> <p>6. Bộ quản lý chuyên ngành có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>Sở quản lý chuyên ngành có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>luật nước ngoài.</p> <p>Chi nhánh, công ty luật nước ngoài được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>Điều 80. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài</p> <p>1. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài có dự định thay đổi một trong các nội dung sau đây của Giấy phép thành lập thì phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp và chỉ được thay đổi khi có sự chấp thuận của Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên chi nhánh, công ty luật nước ngoài; b) Chuyển trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; c) Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài; d) Lĩnh vực hành nghề. <p>Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi, Bộ Tư pháp xem xét và ra văn bản chấp thuận; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.</p> <p>2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài thì chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở; trường hợp thay đổi trụ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì còn phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở cũ.</p>		

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>3. Trường hợp thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động, chi nhánh, công ty luật nước ngoài được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p>4. Trường hợp thay đổi trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi.</p>		
<p>Điều 73. Quyền, nghĩa vụ của chi nhánh, công ty luật nước ngoài</p> <p>1. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài có các quyền sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ pháp lý về các lĩnh vực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>b) Nhận thù lao từ khách hàng;</p> <p>c) Thuê luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam, lao động nước ngoài, lao động Việt Nam;</p> <p>d) Nhận người tập sự hành nghề luật sư Việt Nam vào tập sự hành nghề luật sư;</p> <p>đ) Chuyển thu nhập từ hoạt động hành nghề ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài có các nghĩa vụ sau</p>	<p>Điều 26. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam có các quyền sau đây:</p> <p><i>a) Các quyền được quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều 22 của Luật này;</i></p> <p>b) Chuyển thu nhập từ hoạt động hành nghề ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nhập khẩu phương tiện cần thiết cho hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>d) Thành lập chi nhánh; hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, <i>chia, tách</i>, tạm ngừng hoạt động tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của</p>	<p>- Gộp quy định về quyền và nghĩa vụ của TCHN luật sư vào chung một điều khoản.</p> <p>Lý do: Giúp các TCHN xác định rõ ràng hệ thống quyền hạn đi đôi với trách nhiệm; tăng cường tính minh bạch và thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật.</p> <p>- Bổ sung một số quyền, nghĩa vụ của TCHN.</p> <p>Lý do: Thể chế nội dung trong chính sách 1: Nâng cao trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của luật sư; gắn trách nhiệm của tổ chức với hành vi của cá nhân luật sư.</p> <p>+ Thẻ chế chính sách 2,</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>đây:</p> <p>a) Hoạt động theo đúng lĩnh vực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>b) Thực hiện đúng những nội dung đã giao kết với khách hàng;</p> <p>c) Bồi thường thiệt hại vật chất do lỗi mà luật sư gây ra cho khách hàng trong khi thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng và các dịch vụ pháp lý khác;</p> <p>d) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các luật sư hành nghề tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>đ) Chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, kế toán, thống kê và thực hiện nghĩa vụ thuế, tài chính;</p> <p>e) Nhập khẩu phương tiện cần thiết cho hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hoạt động theo đúng phạm vi, lĩnh vực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p><i>b) Các nghĩa vụ được quy định tại các điểm b, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 22 của Luật này;</i></p> <p><i>c) Nhận thù lao từ hoạt động tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác thông qua các tài khoản của Chi nhánh, công ty luật nước ngoài mở tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam;</i></p> <p>d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư theo hướng tạo điều kiện cho luật sư trong quá trình hành nghề, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, tài chính ngân hàng...</p> <p>- Quy định rõ quyền và nghĩa vụ liên quan đến bảo mật dữ liệu khách hàng, việc nhận thù lao phải thông qua các tài khoản ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Hoàn thiện quy định về hành nghề theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; bảo đảm an toàn pháp lý cho khách hàng, lợi ích quốc gia, dân tộc trong bối cảnh chuyển đổi số</p>
<p>Điều 60. Đoàn luật sư</p> <p>1. Đoàn luật sư là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức và hoạt động theo Luật này và Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Đoàn luật sư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các</p>	<p>Điều 27. Đoàn Luật sư</p> <p>1. Đoàn Luật sư là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư ở tỉnh, thành phố, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Đoàn Luật sư có tư cách pháp nhân, có con dấu và</p>	<p>- Gộp quy định về địa vị pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Luật sư vào chung một điều khoản.</p> <p>Lý do: Tạo sự thống</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>khoản đóng góp của thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p>2. Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ ba người có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên thì được thành lập Đoàn luật sư. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép thành lập Đoàn luật sư sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>3. Đoàn luật sư không được ban hành nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định về phí, khoản thu và các quy định khác trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>4. Thành viên của Đoàn luật sư là các luật sư.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của thành viên Đoàn luật sư do Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định.</p>	<p>tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p>2. Tại mỗi tỉnh, thành phố có từ 03 người có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên thì được thành lập Đoàn Luật sư. <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cho phép thành lập Đoàn Luật sư sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ quản lý chuyên ngành.</i></p> <p><i>3. Thành viên của Đoàn Luật sư là các luật sư, luật sư tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư có quyền lựa chọn trở thành thành viên Đoàn Luật sư.</i></p> <p><i>4. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư không được quá 65 tuổi tính đến thời điểm tổ chức Đại hội và được giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.</i></p> <p>5. Đoàn Luật sư không được ban hành nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định về phí thành viên, khoản thu và các quy định khác trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</p>	<p>nhất, dễ theo dõi.</p> <p>- Bổ sung quy định về độ tuổi của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.</p> <p>Lý do: Thê chế Quyết định số 118-QĐ/TW, Kết luận số 230-KL/TW về tuổi, thời gian giữ nhiệm kỳ của người đứng đầu tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p> <p>- Bổ sung quy định tổ chức hành nghề luật sư có quyền lựa chọn trở thành thành viên Đoàn Luật sư để phù hợp với thực tế và thông lệ một số nước.</p>
<p>Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn luật sư</p> <p>1. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư trong</p>	<p>Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư</p> <p>1. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp</p>	<p>Bổ sung một số trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư phù hợp với</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hành nghề.</p> <p>2. Thực hiện rà soát, đánh giá hàng năm chất lượng đội ngũ luật sư; giám sát, phối hợp với Đoàn luật sư ở địa phương khác giám sát luật sư là thành viên, luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư và chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; xử lý kỷ luật đối với luật sư.</p> <p>3. Giám sát, phối hợp với Đoàn luật sư ở địa phương khác giám sát hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư; yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.</p> <p>4. Cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư và giám sát người tập sự hành nghề luật sư; lập danh sách những người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư gửi Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>5. Nhận hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư và gửi Sở Tư pháp; đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>6. Tổ chức đăng ký việc gia nhập Đoàn luật sư, tổ chức việc chuyển, tiếp nhận luật sư; đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư.</p> <p>7. Thực hiện bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư.</p>	<p>pháp của thành viên của Đoàn Luật sư trong hành nghề.</p> <p>2. Giám sát, phối hợp với Đoàn Luật sư ở địa phương khác giám sát thành viên của mình, luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư và chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; xử lý kỷ luật đối với thành viên của Đoàn Luật sư; yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.</p> <p>3. Giám sát và xác nhận hoàn thành thời gian tập sự cho luật sư tập sự.</p> <p>4. Đề nghị Bộ quản lý chuyên ngành thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>5. Đăng ký gia nhập Đoàn Luật sư, tổ chức việc chuyển, tiếp nhận thành viên.</p> <p>6. Thực hiện bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và nhận thức chính trị của luật sư.</p> <p>7. Hoà giải tranh chấp giữa các luật sư với nhau; luật sư tập sự, luật sư với tổ chức hành nghề luật sư; giữa khách hàng với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư và luật sư tập sự.</p> <p>8. Giải quyết khiếu nại theo thẩm</p>	<p>các nội dung có liên quan của dự thảo Luật; bổ sung độ tuổi của chủ nhiệm Đoàn Luật sư phù hợp với Quyết định số 118-QĐ/TW, Kết luận số 230-KL/TW về tuổi, thời gian giữ nhiệm kỳ của người đứng đầu tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>8. Giám sát việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư.</p> <p>9. Hoà giải tranh chấp giữa người tập sự hành nghề luật sư, luật sư với tổ chức hành nghề luật sư; giữa khách hàng với tổ chức hành nghề luật sư và luật sư.</p> <p>10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.</p> <p>11. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm và thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho luật sư.</p> <p>12. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của luật sư.</p> <p>13. Quy định về mức phí gia nhập Đoàn luật sư, phí tập sự hành nghề luật sư trên cơ sở khung phí do Liên đoàn luật sư Việt Nam ban hành.</p> <p>14. Báo cáo Liên đoàn luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về đề án tổ chức đại hội, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật.</p> <p>15. Thực hiện nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>16. Tổ chức để các luật sư tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện trợ giúp pháp lý.</p> <p>17. Báo cáo Liên đoàn luật sư Việt Nam về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, kết quả Đại hội; gửi Liên đoàn luật sư Việt Nam nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định của Đoàn luật sư</p>	<p>quyền.</p> <p>9. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm và thực hiện các biện pháp khác, thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và thực hiện các biện pháp khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.</p> <p>10. Tập hợp, phản ánh nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của thành viên Đoàn Luật sư.</p> <p>11. Có giải pháp hỗ trợ thành viên của mình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của luật sư.</p> <p>12. Hỗ trợ, đồng hành cùng các thành viên của Đoàn Luật sư xúc tiến và tiếp cận thị trường pháp lý.</p> <p>13. Quy định về mức phí thành viên Đoàn Luật sư trên cơ sở khung phí do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành.</p> <p>14. Báo cáo Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về Đề án tổ chức Đại hội, Phương án nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và kết quả Đại hội.</p> <p>15. Thực hiện nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</p> <p>16. Tuyên truyền, phổ biến các chủ</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>theo quy định của Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam hoặc khi được yêu cầu.</p> <p>18. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về tổ chức và hoạt động, kết quả Đại hội; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu; gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghị quyết, quyết định, quy định của Đoàn luật sư.</p> <p>19. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p>	<p>trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư; tổ chức để các luật sư tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thực hiện dịch vụ pháp lý miễn phí, trợ giúp pháp lý và trách nhiệm xã hội khác.</p> <p>17. Tham gia xây dựng, góp ý, kiến nghị chính sách, pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao;</p> <p>18. Gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nghị quyết, quyết định, quy định, nội quy của Đoàn Luật sư.</p> <p>19. Thực hiện nghĩa vụ báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>20. Chấp hành Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 62. Các cơ quan của Đoàn luật sư</p> <p>1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư.</p> <p>2. Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư là cơ quan chấp hành của Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư, do Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư bầu ra.</p> <p>3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư do Đại hội</p>	<p>Điều 29. Các cơ quan của Đoàn Luật sư</p> <p>1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn Luật sư (sau đây gọi chung là Đại hội luật sư) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn Luật sư. Đại hội luật sư có nhiệm kỳ 05 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước. Đại hội luật sư được coi là hợp lệ nếu có ít nhất 2/3 số</p>	<p>Làm rõ Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn Luật sư; bổ sung quy định phân cấp cho địa phương trong việc quản lý luật sư, trong đó quy định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định việc thành lập Đoàn luật sư, phê duyệt Đề án tổ chức</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư bầu ra theo nhiệm kỳ của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư.</p>	<p><i>thành viên của Đoàn Luật sư hoặc 2/3 số đại biểu được triệu tập tham gia. Trong trường hợp không đủ 2/3 số đại biểu được triệu tập tham dự Đại hội thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất phải triệu tập Đại hội lần thứ hai. Đại hội triệu tập lần thứ hai hợp lệ khi có trên 1/2 số đại biểu được triệu tập tham dự. Trong trường hợp Đại hội triệu tập lần thứ hai không đủ trên 1/2 số đại biểu được triệu tập tham dự thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày triệu tập lần thứ hai phải triệu tập Đại hội lần thứ ba. Đại hội triệu tập lần thứ ba hợp lệ không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự.</i></p> <p><i>Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết của Đại hội luật sư phải được quá 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tán thành.</i></p> <p><i>Việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường của Đoàn Luật sư phải căn cứ vào Đề án tổ chức Đại hội và Phương án nhân sự đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.</i></p> <p><i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có thẩm quyền xem xét, quyết định phê chuẩn kết quả Đại hội Đoàn Luật sư.</i></p> <p><i>2. Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư là cơ quan chấp hành của Đại hội luật sư, do</i></p>	<p>Đại hội, phương án nhân sự và phê chuẩn kết quả Đại hội.</p> <p>Lý do: Thể chế Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>Đại hội luật sư bầu ra.</i></p> <p>3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư do Đại hội luật sư bầu ra theo nhiệm kỳ của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư.</p>	
<p>Điều 64. Liên đoàn luật sư Việt Nam</p> <p>1. Liên đoàn luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong phạm vi cả nước, đại diện cho luật sư, các Đoàn luật sư, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p>Thành viên của Liên đoàn luật sư Việt Nam là các Đoàn luật sư và các luật sư. Các luật sư tham gia Liên đoàn luật sư Việt Nam thông qua Đoàn luật sư nơi mình gia nhập.</p> <p>2. Liên đoàn luật sư Việt Nam có Điều lệ.</p> <p>Quyền, nghĩa vụ của thành viên Liên đoàn luật sư Việt Nam do Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định.</p>	<p>Điều 30. Liên đoàn Luật sư Việt Nam</p> <p>1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong phạm vi toàn quốc, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p>2. Thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam là các Đoàn Luật sư, các luật sư, luật sư tập sự. Các luật sư, luật sư tập sự tham gia Liên đoàn Luật sư Việt Nam thông qua Đoàn Luật sư nơi mình gia nhập. Tổ chức hành nghề luật sư được lựa chọn trở thành thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam thông qua Đoàn Luật sư.</p> <p>3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam không được quá 65 tuổi tính đến thời điểm tổ chức Đại hội và được giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền quyết định.</p>	<p>- Gộp quy định về địa vị pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Luật sư vào chung một điều khoản.</p> <p>Lý do: Tạo sự thống nhất, dễ theo dõi.</p> <p>- Bổ sung quy định về độ tuổi của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.</p> <p>Lý do: Thể chế Quyết định số 118-QĐ/TW, Kết luận số 230-KL/TW về tuổi, thời gian giữ nhiệm kỳ của người đứng đầu tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định Liên đoàn Luật sư quy định khung phí thành viên thay vì quy định rất nhiều khoản phí như hiện nay (khung phí tập sự hành</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p>4. Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành Điều lệ để điều chỉnh các quan hệ nội bộ của Liên đoàn, các Đoàn Luật sư. Liên đoàn Luật sư Việt Nam không được ban hành nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định về phí thành viên, khoản thu và các quy định khác trái với quy định của pháp luật.</p> <p><i>Bộ quản lý chuyên ngành phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt. Điều 30. Liên đoàn Luật sư Việt Nam</i></p> <p>1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong phạm vi toàn quốc, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.</p> <p><i>2. Thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam là các Đoàn Luật sư, các luật sư, luật sư tập sự. Các luật sư, luật sư tập sự tham gia Liên đoàn Luật sư Việt Nam thông qua Đoàn Luật sư nơi mình gia nhập. Tổ chức hành nghề luật sư được lựa chọn trở thành thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam thông qua Đoàn Luật sư.</i></p> <p><i>3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam không được quá 65 tuổi tính đến thời điểm tổ chức Đại hội và được</i></p>	<p>nghề luật sư, khung phí gia nhập Đoàn luật sư, phí thành viên).</p> <p>Lý do: Hiện nay, luật sư phản ánh phải nộp quá nhiều loại phí. Bên cạnh đó, với khoản phí thành viên, Liên đoàn có thể quy định mức phí và mục đích sử dụng của khoản phí đó.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền quyết định.</i></p> <p>4. Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành Điều lệ để điều chỉnh các quan hệ nội bộ của Liên đoàn, các Đoàn Luật sư. Liên đoàn Luật sư Việt Nam không được ban hành nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định về phí thành viên, khoản thu và các quy định khác trái với quy định của pháp luật.</p> <p><i>Bộ quản lý chuyên ngành phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.</i></p>	
<p>Điều 65. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn luật sư Việt Nam</p> <p>1. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Đoàn luật sư, các luật sư trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Giám sát luật sư, Đoàn luật sư trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam; đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>3. Ban hành và giám sát việc tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam không được trái với Điều lệ của Liên</p>	<p>Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam</p> <p>1. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên của Liên đoàn Luật sư Việt Nam trong phạm vi toàn quốc.</p> <p>2. Giám sát thành viên trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam; đề nghị Bộ quản lý chuyên ngành thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.</p> <p>3. Ban hành và giám sát việc tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật</p>	<p>- Bổ sung một số trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư phù hợp với các nội dung có liên quan của dự thảo Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>4. Tổ chức đào tạo nghề luật sư; xây dựng chương trình và hướng dẫn các Đoàn luật sư thực hiện bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư.</p> <p>5. Tổ chức kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật này và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.</p> <p>6. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư trong cả nước; tổ chức bình chọn, vinh danh luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có uy tín, có nhiều cống hiến trong hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>7. Quy định mẫu trang phục luật sư tham gia phiên toà, mẫu giấy đề nghị gia nhập Đoàn luật sư; mẫu Thẻ luật sư, việc cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư; hướng dẫn việc thực hiện rà soát, đánh giá hàng năm chất lượng đội ngũ luật sư.</p> <p>8. Quy định việc miễn, giảm thù lao, việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thù lao, chi phí của luật sư.</p> <p>9. Quy định khung phí tập sự hành nghề luật sư, khung phí gia nhập Đoàn luật sư, phí thành viên.</p> <p>10. Hướng dẫn và giám sát thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý của luật sư.</p> <p>11. Cho ý kiến về đề án tổ chức đại hội, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư; chỉ đạo đại hội của Đoàn luật sư.</p>	<p>sư Việt Nam. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam không được trái với Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hướng dẫn các Đoàn Luật sư thực hiện bồi dưỡng bắt buộc; tổ chức thực hiện bồi dưỡng bắt buộc.</p> <p>5. Phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức kỳ thi quốc gia về luật sư theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư trong phạm vi toàn quốc; tổ chức bình chọn, vinh danh luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có uy tín, có nhiều cống hiến trong hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>7. Có giải pháp hỗ trợ thành viên của mình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động luật sư.</p> <p>8. Hỗ trợ, đồng hành cùng các thành viên xúc tiến và tiếp cận thị trường pháp lý.</p> <p>9. Quy định mẫu trang phục luật sư tham gia phiên toà, mẫu giấy đề nghị gia nhập Đoàn Luật sư.</p> <p>10. Quy định việc miễn, giảm thù lao, việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thù lao, chi phí của luật sư.</p> <p>11. Quy định khung phí thành viên.</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>12. Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định của Đoàn luật sư trái với Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định của Đoàn luật sư trái với quy định của pháp luật.</p> <p>13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.</p> <p>14. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của luật sư.</p> <p>15. Tham gia xây dựng pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.</p> <p>16. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về luật sư.</p> <p>17. Phối hợp với Bộ Tư pháp chuẩn bị và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về đề án tổ chức đại hội, phương án nhân sự bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>18. Báo cáo Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động của luật sư trong phạm vi toàn quốc và tổ chức, hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam, kết quả đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu; gửi Bộ Tư pháp nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p> <p>19. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p>	<p>12. Hướng dẫn và giám sát thực hiện <i>dịch vụ pháp lý miễn phí của luật sư</i>.</p> <p>13. Cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội, Phương án nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư.</p> <p>14. Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định, nội quy của Đoàn Luật sư trái với Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định, nội quy của Đoàn Luật sư trái với quy định của pháp luật.</p> <p>15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.</p> <p>16. Tập hợp, phản ánh nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của thành viên Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</p> <p>17. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao; nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>18. Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về luật sư.</p> <p>19. Báo cáo Bộ quản lý chuyên ngành,</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p>Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền về Đề án tổ chức Đại hội, Phương án nhân sự bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và kết quả Đại hội.</p> <p>20. Báo cáo Bộ quản lý chuyên ngành về tổ chức, hoạt động của luật sư trong phạm vi toàn quốc; báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; gửi Bộ quản lý chuyên ngành nghị quyết, quyết định, quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</p> <p>21. Chấp hành Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 66. Các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam</p> <p>1. Các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam gồm có:</p> <p>a) Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn luật sư Việt Nam;</p> <p>b) Hội đồng luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc;</p> <p>c) Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam là cơ quan điều hành công việc của Liên đoàn luật sư Việt Nam giữa hai kỳ họp của Hội đồng luật sư toàn quốc;</p> <p>d) Các cơ quan khác do Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam</p>	<p>Điều 32. Các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam</p> <p>1. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc có nhiệm kỳ không quá 05 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước. Đại hội của Liên đoàn Luật sư Việt Nam được coi là hợp lệ nếu có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập tham gia. Trong trường hợp không đủ 2/3 số đại biểu được triệu tập tham dự Đại hội thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất phải triệu tập Đại hội lần thứ hai. Đại hội triệu tập lần thứ hai hợp lệ khi có trên 1/2 số đại biểu được triệu tập tham</p>	<p>Bổ sung quy định về phê chuẩn, phê duyệt Đại hội.</p> <p>Lý do: Đảm bảo việc tổ chức Đại hội theo đúng quy định của pháp luật, khắc phục tình trạng Đại hội không đúng theo phương án đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền trước khi tổ chức Đại hội.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>quy định.</p> <p>2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam do Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định.</p>	<p>dự. Trong trường hợp Đại hội triệu tập lần thứ hai không đủ trên 1/2 số đại biểu được triệu tập tham dự thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày triệu tập lần thứ hai phải triệu tập Đại hội lần thứ ba. Đại hội triệu tập lần thứ ba hợp lệ không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự.</p> <p>Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết Đại hội của Liên đoàn Luật sư Việt Nam phải được quá 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tán thành.</p> <p><i>Việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường của Liên đoàn Luật sư Việt Nam phải căn cứ vào Đề án tổ chức Đại hội và Phương án nhân sự được Bộ quản lý chuyên ngành phê duyệt.</i></p> <p><i>Bộ quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xem xét, quyết định phê chuẩn kết quả Đại hội Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</i></p> <p>2. Hội đồng luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc.</p> <p>3. Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là cơ quan điều hành công việc của Liên đoàn Luật sư Việt Nam giữa hai kỳ họp của Hội đồng luật sư toàn quốc.</p> <p>4. Các cơ quan khác do Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định.</p>	

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>Điều 85. Xử lý kỷ luật đối với luật sư</p> <p>1. Luật sư vi phạm quy định của Luật này, Điều lệ, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và quy định khác của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách;</p> <p>b) Cảnh cáo;</p> <p>c) Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư từ sáu tháng đến hai mươi bốn tháng;</p> <p>d) Xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư.</p> <p>2. Việc xem xét quyết định kỷ luật luật sư thuộc thẩm quyền của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư theo đề nghị của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư.</p> <p>3. Trong trường hợp luật sư bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư thì Đoàn luật sư phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp và đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam thu hồi Thẻ luật sư.</p> <p>Điều 86. Khiếu nại quyết định kỷ luật luật sư</p> <p>1. Luật sư có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư đối với mình.</p> <p>Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam có thẩm quyền</p>	<p>Điều 33. Xử lý kỷ luật đối với luật sư</p> <p>1. Luật sư vi phạm quy định của Luật này, Điều lệ, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và quy định khác của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách;</p> <p>b) Cảnh cáo;</p> <p>c) Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng;</p> <p>d) Xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư.</p> <p>Việc xem xét, quyết định kỷ luật luật sư thuộc thẩm quyền của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư theo đề nghị của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư.</p> <p>Luật sư có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư đối với mình. Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư.</p> <p>2. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo đó, Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là cơ quan giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật luật sư, quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trong việc giải quyết các quan hệ nội bộ của mình.</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Thẻ chế nội dung trong chính sách 3, nâng cao trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.</p> <p>+ Thẻ chế Kết luận số 69-KL/TW, phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, nhất là trong việc giám sát luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư.</p> <p>2. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam đối với hình thức kỷ luật quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 85 của Luật này, luật sư có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.</p> <p>Điều 87. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư, các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam</p> <p>1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</p> <p>Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư.</p> <p>2. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam đối với việc Đoàn luật sư không đề nghị Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, từ chối việc gia nhập Đoàn luật sư, cá nhân có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.</p> <p>3. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định,</p>	<p>nhiệm Đoàn Luật sư khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</p> <p>Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư.</p> <p>3. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của các cơ quan thuộc Liên đoàn Luật sư Việt Nam khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</p> <p>Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.</p> <p>4. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là quyết định cuối cùng.</p> <p>5. Trường hợp luật sư bị kỷ luật thấy rằng quyết định giải quyết khiếu nại của Đoàn Luật sư, Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, luật sư có quyền khởi kiện tại Tòa án để giải quyết.</p>	<p>đối với luật sư.</p> <p>+ Thẻ chế Nghị quyết số 49-NQ/TW, nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hành vi của các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</p> <p>Ban thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam.</p>		
<p>Điều 89. Xử lý vi phạm đối với luật sư</p> <p>1. Luật sư Việt Nam vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>Luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì Bộ Tư pháp thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã cử luật sư đó vào hành nghề tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đã tuyển dụng luật sư đó và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị thu hồi hoặc xem xét không gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam.</p> <p>Điều 90. Xử lý vi phạm đối với tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước</p>	<p>Điều 34. Xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Luật sư Việt Nam vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>Luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì Bộ quản lý chuyên ngành thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt</p>	<p>Gộp điều về xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>Tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Nam đã tuyển dụng luật sư đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị thu hồi hoặc xem xét không gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam.</p> <p>3. Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 93. Hiệu lực thi hành</p> <p>Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.</p> <p>Pháp lệnh luật sư năm 2001 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 35. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.</p> <p>Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư được gia nhập Đoàn Luật sư để trở thành luật sư công theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết các Điều 5, 7, 8, 9, 10, 11, 14, 19, 20, 24, 25, 29 và 32 của Luật này và hướng dẫn thi hành</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với dự thảo Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	<p><i>Luật này; quy định việc đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những quy định, quyết định, nghị quyết, nội quy của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trái với quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>4. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và luật khác về các vấn đề quy định tại Điều 1 của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này.</i></p>	
<p>Điều 92a. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Trong thời hạn một năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, luật sư là thành viên của Đoàn luật sư khác với Đoàn luật sư nơi có tổ chức hành nghề luật sư hoặc chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư mà mình thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc nơi có tổ chức hành nghề luật sư hoặc cơ quan, tổ chức mà mình ký kết hợp đồng lao động phải chuyển về gia nhập Đoàn luật sư theo quy định tại Điều 20 của Luật này. Luật sư chuyển Đoàn luật sư theo quy định tại khoản này không phải nộp phí gia nhập Đoàn luật sư.</p> <p>Các Đoàn luật sư có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư chuyển Đoàn luật sư theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân theo quy định của Luật luật sư số 65/2006/QH11 phải chuyển đổi sang hành nghề dưới hình thức thành lập, tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư hoặc làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư</p>	<p>Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p><i>1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, người tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 được tiếp tục tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật này. Thời gian đã tập sự được tính vào thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>2. Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 được sử dụng kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư để đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của Luật này cho đến ngày 01 tháng 01 năm</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với dự thảo Luật.</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>hoặc làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức và thực hiện việc đăng ký hoạt động theo quy định của Luật này. Luật sư đăng ký hoạt động theo quy định tại khoản này không phải nộp lệ phí đăng ký hoạt động.</p> <p>3. Trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã được cấp phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 68 của Luật này, trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện này thì phải chấm dứt hoạt động.</p> <p>Điều 92. Xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư bất hợp pháp</p> <p>1. Cá nhân không đủ điều kiện hành nghề luật sư mà hành nghề luật sư dưới bất kỳ hình thức nào thì bị buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm, bị phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức không đủ điều kiện hành nghề luật sư mà hành nghề luật sư dưới bất kỳ hình thức nào thì bị buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2030.</p>	
<p>Điều 59. Giải quyết tranh chấp về thù lao, chi phí, tiền lương theo hợp đồng lao động</p> <p>1. Việc giải quyết tranh chấp có liên quan đến thù lao và chi phí của luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ điều khoản này do nội dung điều luật là dẫn chiếu sang quy định của pháp luật khác, sẽ nghiên cứu, quy định</p>

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>sự.</p> <p>2. Việc giải quyết tranh chấp về tiền lương của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc cho cơ quan, tổ chức theo hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.</p>		phù hợp tại Nghị định.
<p>Điều 67. Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam</p> <p>1. Căn cứ quy định của Luật này và pháp luật về hội, Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc thông qua Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam được áp dụng thống nhất đối với Liên đoàn luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư.</p> <p>2. Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam gồm những nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Tôn chỉ, mục đích và biểu tượng của Liên đoàn luật sư Việt Nam;</p> <p>b) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Liên đoàn luật sư Việt Nam;</p> <p>c) Mối quan hệ giữa Liên đoàn luật sư Việt Nam và Đoàn luật sư;</p> <p>d) Thủ tục gia nhập Đoàn luật sư, rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư, chuyển Đoàn luật sư của luật sư;</p> <p>đ) Nghĩa vụ trợ giúp pháp lý của luật sư;</p> <p>e) Mẫu trang phục luật sư tham gia phiên toà; mẫu Thẻ luật sư, việc cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư;</p>	Bỏ	Giao cho Chính phủ quy định chi tiết

LUẬT LUẬT SƯ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT SƯ (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
<p>g) Nhiệm kỳ, cơ cấu tổ chức, thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư; mối quan hệ phối hợp giữa các Đoàn luật sư trong việc quản lý luật sư và tổ chức hành nghề luật sư;</p> <p>h) Cơ cấu, số lượng đại biểu, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư; trình tự, thủ tục tiến hành đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư;</p> <p>i) Việc ban hành nội quy của Đoàn luật sư;</p> <p>k) Tài chính của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư;</p> <p>l) Khen thưởng, kỷ luật luật sư và giải quyết khiếu nại, tố cáo;</p> <p>m) Nghĩa vụ báo cáo về tổ chức và hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư;</p> <p>n) Quan hệ với cơ quan, tổ chức khác.</p> <p>3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được thông qua, Hội đồng luật sư toàn quốc gửi Bộ Tư pháp Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam để xem xét phê duyệt. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.</p>		